

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Địa chỉ : Lô 4, KCN Điện Nam, Điện Ngọc, P. Điện Nam Bắc, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam

Điện thoại : 02353 947 233

Fax : 02353 947 244

Email : info@petrocenter.com.vn

Web : www.petrocenter.com.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2020



*** Quảng Nam, Tháng 04 Năm 2021 ***



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Lô 4, KCN Điện Nam, Điện Ngọc, P. Điện Nam Bắc, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam

Điện thoại: 02353 947 233

Fax: 02353 947 244

Email: info@petrocenter.com.vn

Web: www.petrocenter.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN
XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/04/2021/BC-PMG

Quảng Nam, ngày 29 tháng 04 năm 2021

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

- Kính gửi:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
 - Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh
 - Quý cổ đông và các Nhà đầu tư

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4000462724 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp lần đầu ngày 09/05/2007 thay đổi lần thứ 20 ngày 25/09/2020
- Vốn điều lệ: **463.362.780.000 đồng**
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **789.574.305.739 đồng** (theo BCTC kiểm toán hợp nhất 2020)
- Địa chỉ: Lô 4 KCN Điện Nam – Điện Ngọc, Phường Điện Nam Bắc, Thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam
- Số điện thoại: 84-235. 394 7233/394 7228
- Số Fax: 84-235. 394 7244
- Website: www.petrocenter.com.vn
- Mã cổ phiếu: PMG
- Quá trình hình thành và phát triển:
 - + Năm 2007 : Ngày 09/05/2007 Thành lập CTCP đầu tư và sản xuất Petro Miền Trung
 - + Năm 2014 : Tháng 10/2014 Đầu tư góp vốn vào Công ty cổ phần dầu khí V-Gas tại Đồng Nai từng bước khẳng định thương hiệu
 - + Năm 2016 : Phát triển thương hiệu PM Gas, Picnic Gas, V-gas và tiến hành đầu tư vỏ bình thương hiệu Pmgas với số lượng 1.200.000 vỏ. Mở rộng thị trường ra khắp khu vực miền Trung, Tây Nguyên và miền Nam.
 - + Năm 2017 : Trở thành Công ty đại chúng theo giấy chứng nhận số 8446/UBCK-GSDC ngày 19/12/2017 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.
 - + Năm 2018: Ngày 25/01/2018 chính thức giao dịch trên sàn HOSE với mã chứng khoán: PMG. Đánh dấu bước chuyển mình quan trọng, khẳng định tên tuổi và vị thế của Petro Miền Trung trên toàn quốc.
 - + Năm 2019: Tiếp tục mở rộng thị phần kinh doanh gas, đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường Campuchia. Doanh thu cán mốc 1.400 tỷ đồng



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Lô 4, KCN Điện Nam, Điện Ngọc, P. Điện Nam Bắc, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam

Điện thoại: 02353 947 233

Fax: 02353 947 244

Email: info@petrocenter.com.vn

Web: www.petrocenter.com.vn

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:

TT	Tên ngành
1	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan
2	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại
3	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
4	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
5	Sản xuất sản phẩm từ plastic
6	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản
7	Vận tải hành khách đường bộ khác
8	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
9	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu
10	Bán buôn đồ uống
11	Bán buôn kim loại và quặng kim loại
12	Đại lý, môi giới, đấu giá
13	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác
14	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình

- Sản phẩm, dịch vụ chính của Công ty

Hoạt động của Công ty Cổ phần đầu tư và sản xuất Petro Miền Trung là phân phối bình Gas (bình chứa gas loại 12 kg và loại 45 kg) bao gồm nhập khẩu khí hóa lỏng LPG tồn trữ và chiết nạp khí hóa lỏng, sản xuất vỏ bình gas và là đầu mối cung cấp Gas cho thị trường khu vực Miền Trung, Miền Nam và Tây Nguyên.

1. Nhập khẩu khí Gas từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước

Công ty có 02 cầu cảng xuất nhập khẩu LPG tại cảng Đồng Nai và cảng Chu Lai trong khu kinh tế mở Chu Lai, có thể đón tàu tải trọng từ 05 đến 20.000 tấn.

2. Trữ khí vào các tổng kho của Công ty tại các vùng Miền Trung



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Lô 4, KCN Điện Nam, Điện Ngọc, P. Điện Nam Bắc, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam

Điện thoại: 02353 947 233

Fax: 02353 947 244

Email: info@petrocenter.com.vn

Web: www.petrocenter.com.vn

Khí sau khi được nhập khẩu từ các nhà cung cấp nước ngoài cũng được nhập khẩu nội địa trong nước sẽ được lưu trữ vào các tổng kho của Công ty

3. Sản xuất vỏ bình gas khối lượng 12 kg và 45 kg

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh và lượng khí dự kiến tiêu thụ, Công ty tiến hành sản xuất vỏ bình gas loại 12 kg và loại 45 kg.

4. Chiết nạp khí Gas vào bình

Khí gas sẽ được chiết vào 02 loại bình đã được sản xuất ở bước 3 để phân phối đến người tiêu dùng. Trong công đoạn này vấn đề an toàn lao động, phòng chống cháy nổ được Công ty đặc biệt quan tâm.

5. Phân phối gas đến người tiêu dùng

Sau khi được sản xuất, các sản phẩm của Công ty (bình chứa gas loại 12 kg và loại 45 kg) sẽ được cấp cho đại lý lớn và bán lẻ đến từng hộ gia đình, cá nhân trong vùng. Công ty đã xây dựng cho mình một số khách hàng truyền thống lớn trong vùng qua thời gian hoạt động. Công ty tham gia chiết nạp khí gas và chuyên cung cấp gas cho các hộ gia đình tư nhân và một số doanh nghiệp lớn như Công ty cổ phần Đồng Tâm Miền Trung, Công ty TNHH Trung Hiếu, THACO Trường Hải, Công ty cổ phần thương mại dịch vụ An Hiệp Lợi, Công ty TNHH Gas Lâm Sơn, Công ty Cổ phần kinh doanh dầu khí Quảng Bình, DNTN dịch vụ Gas Hạnh Nguyên, Công ty TNHH Tân Nhà Việt ... thị phần cung cấp Miền Trung chiếm 70% doanh thu bán hàng hóa của Công ty với 03 nhãn hiệu sản phẩm là V – gas, PM gas và Picnic – Vip

Đồng thời, Công ty tiến hành tự sản xuất vỏ bình gas để chủ động trong quá trình chiết gas, cung cấp cho đại lý và phân phối đến người tiêu dùng trong khu vực





CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Lô 4, KCN Điện Nam, Điện Ngọc, P. Điện Nam Bắc, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam

Điện thoại: 02353 947 233

Fax: 02353 947 244

Email: info@petrocenter.com.vn

Web: www.petrocenter.com.vn

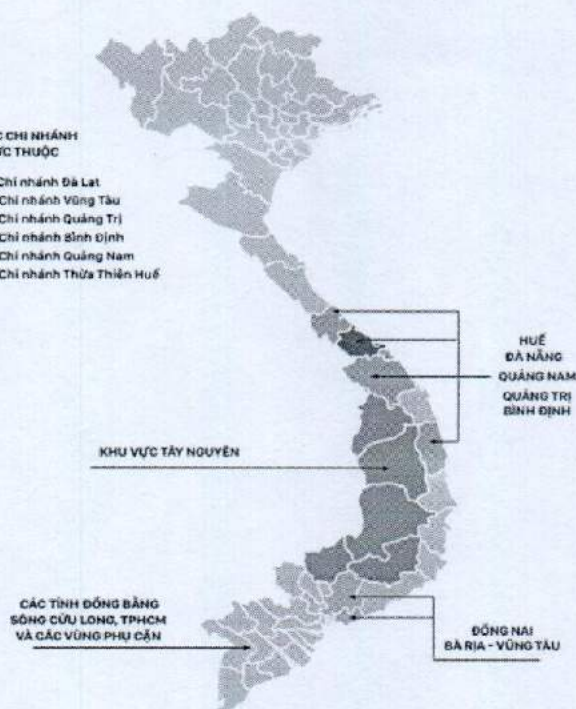
Theo nghiên cứu, Khí hóa lỏng - Khí gas hay còn gọi đầy đủ là khí dầu mỏ hóa lỏng LPG (Liquefied Petroleum Gas) là một nhóm các loại khí Hydro-Carbon có thành phần chính là propan C₃H₈ và butan C₄H₁₀. LPG tồn tại trong thiên nhiên ở các giếng dầu hoặc giếng gas và cũng có thể sản xuất ở các nhà máy lọc dầu. Nguyên liệu ban đầu dùng để sản xuất LPG là dòng khí thiên nhiên khai thác từ các mỏ dầu hoặc qua quá trình xử lý dầu thô để thu được LPG. Trong điều kiện nhiệt độ và áp suất không khí thông thường, LPG thường ở thể khí tuy nhiên nó được gọi là khí dầu mỏ hóa lỏng vì các chất khí này có thể được hóa lỏng khi nén lại (mà không cần qua làm lạnh) nhằm thuận tiện cho việc tồn trữ và vận chuyển. LPG không màu, không mùi nhưng chúng ta vẫn thấy gas có mùi vì chúng đã được cho thêm chất tạo mùi trước khi cung cấp cho người tiêu dùng để dễ dàng phát hiện ra khi có sự cố rò rỉ gas.

Mỗi kg LPG cung cấp khoảng 12.000 kcal năng lượng, tương đương nhiệt năng của 2 kg than củi hay 1,3 lít dầu hỏa hoặc 1,5 lít xăng. Việc sản sinh ra các loại chất khí NO_x, khí độc và tạp chất trong quá trình cháy thấp đã làm cho LPG trở thành một trong những nguồn nhiên liệu thân thiện với môi trường. LPG được sử dụng đa dạng trong công nghiệp như : nhiên liệu trong công nghiệp xử lý thực phẩm, làm giấy, làm hạt nhựa và thậm chí làm chất nổ, làm nhiên liệu để chạy turbine phát điện, làm chất làm lạnh, đầu vào cho công nghiệp hóa chất. Trong nông nghiệp và dân dụng, LPG được sử dụng để sấy khô nông sản, sưởi ấm, làm nhiên liệu trong nấu nướng, nhiên liệu cho phương tiện vận tải... LPG bắt đầu được sử dụng ở Việt Nam từ những năm đầu thập niên 90 của thế kỷ 20, với sản lượng ban đầu chỉ khoảng 50.000 tấn/năm thông qua nhập khẩu và sử dụng chủ yếu trong lĩnh vực dân dụng. Ngoài nguồn LPG trong nước, hiện tại một nửa nhu cầu LPG của Việt Nam phải nhập khẩu.

Địa bàn kinh doanh

CÁC CHI NHÁNH TRỰC THUỘC

01. Chi nhánh Đà Lạt
02. Chi nhánh Vũng Tàu
03. Chi nhánh Quảng Trị
04. Chi nhánh Bình Định
05. Chi nhánh Quảng Nam
06. Chi nhánh Thừa Thiên Huế



3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: Công ty hoạt động theo Mô hình tại điểm a, mục 1, điều 137 Luật Doanh nghiệp gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.
- Cơ cấu bộ máy quản lý:



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

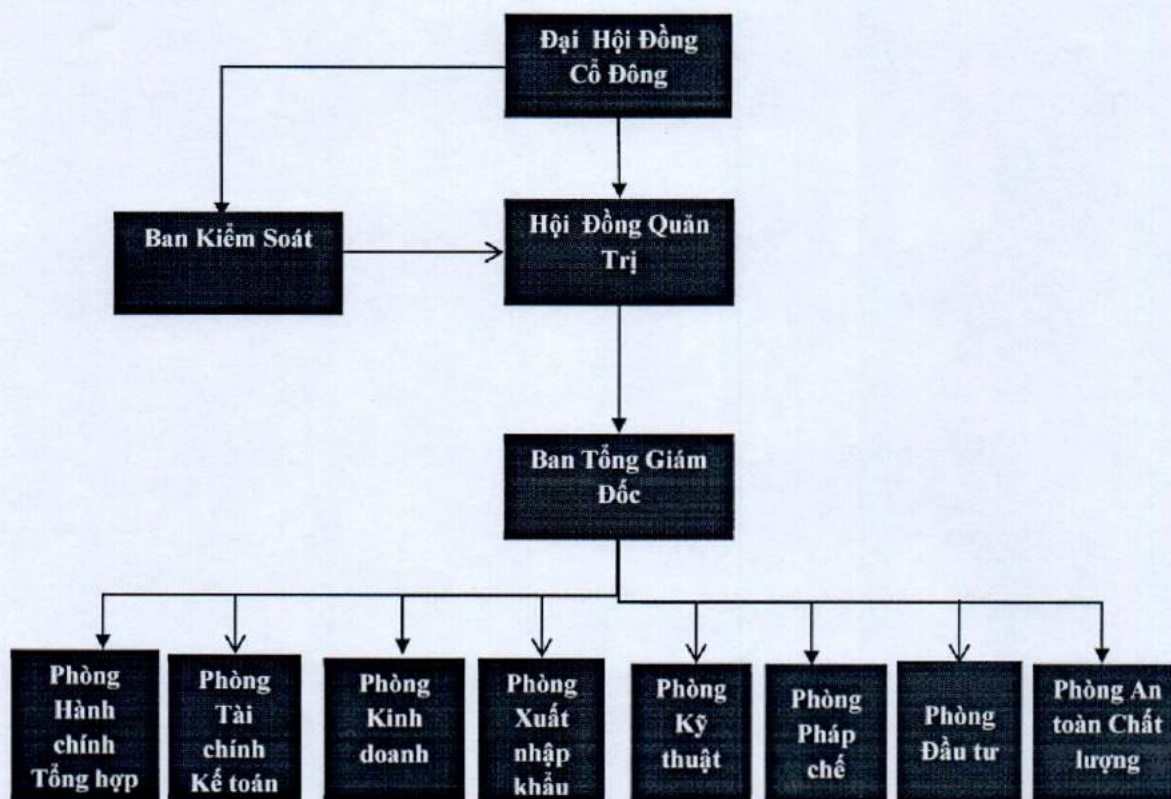
Địa chỉ: Lô 4, KCN Điện Nam, Điện Ngọc, P. Điện Nam Bắc, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam

Điện thoại: 02353 947 233

Fax: 02353 947 244

Email: info@petrocenter.com.vn

Web: www.petrocenter.com.vn



- Các công ty con, công ty liên kết:

+ *Công ty Cổ phần dầu khí V - Gas*

Địa chỉ : Số 1A/8, đường Châu văn Lồng, Khu phố Long Điền, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Giấy chứng nhận doanh nghiệp số : 3603202837

Vốn điều lệ : 225.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu vốn : 51%

Ngành nghề kinh doanh : Kinh doanh khí hóa lỏng

+ *Công ty cổ phần Gas Miền Trung*

Địa chỉ : Lô 6 KCN Điện Nam – Điện Ngọc, Phường Điện Ngọc, Thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

Giấy chứng nhận doanh nghiệp số : 4000354775

Vốn điều lệ : 327.272.730.000 đồng



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Lô 4, KCN Điện Nam, Điện Ngọc, P. Điện Nam Bắc, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam

Điện thoại: 02353 947 233

Fax: 02353 947 244

Email: info@petrocenter.com.vn

Web: www.petrocenter.com.vn

Tỷ lệ sở hữu vốn : 51%

Ngành nghề kinh doanh : Kinh doanh khí hóa lỏng

+ Công ty TNHH Trung Nam

Địa chỉ : 8 G Khu phố II, Phường Hiệp Thành, Quận 12, TP Hồ Chí Minh

Giấy chứng nhận doanh nghiệp số : 0302137561

Vốn điều lệ : 15.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu vốn : 65 %

Ngành nghề kinh doanh : Kinh doanh khí hóa lỏng

+ Các tổng kho, đơn vị trực thuộc

1. Tổng kho và nhà máy chiết nạp tại lô 4 KCN Điện Nam – Điện Ngọc
2. Tổng kho và nhà máy chiết nạp tại lô 6 KCN Điện Nam – Điện Ngọc
3. Tổng kho tồn trữ, cảng xuất nhập khẩu gas cùng nhà máy chiết nạp tại khu kinh tế mở Chu Lai
4. Kho tồn trữ và nhà máy chiết nạp tại Huế
5. Kho tồn trữ và nhà máy chiết nạp tại Lâm Đồng
6. Kho tồn trữ và nhà máy chiết nạp tại Bình Định
7. Kho tồn trữ và nhà máy chiết nạp tại Vũng Tàu
8. Kho tồn trữ và nhà máy chiết nạp tại Quảng Trị
9. Cảng xuất, nhập LPG, tổng kho và nhà máy chiết nạp tại Đồng Nai
10. Nhà máy sản xuất vỏ bình gas KCN Phú Mỹ - Bà Rịa Vũng Tàu

4. Định hướng phát triển

Với quyết tâm đổi mới sáng tạo trong những năm qua, Ban lãnh đạo Công ty đã phát triển mọi nguồn lực đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển triển khai xây dựng nhà máy tồn trữ và chiết nạp khí LPG theo chiến lược từ nay đến năm 2025 : Công ty duy trì vị thế sẵn có và tiếp tục phát triển lĩnh vực sản xuất vỏ bình gas, nâng cao tính cạnh tranh, tăng giá trị doanh nghiệp trong đó có cổ đông, người lao động và mang lại lợi ích cho đối tác, cộng đồng xã hội.

Mở rộng thị phần, đào tạo lao động có tay nghề cao, tuyển dụng thêm lao động để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của Công ty. Công ty xem con người là yếu tố sống còn để tồn tại và phát triển do đó để mở rộng thị phần, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh việc đào tạo lao động, tuyển dụng thêm lao động nhằm hình thành đội ngũ CBCNV có trình độ chuyên môn và tay nghề cao, có tính kỷ luật, tác phong công nghiệp, giao tiếp tốt và các kỹ năng khác có uy tín chất lượng.

Song song với công tác nhân sự, đào tạo tiếp tục nghiên cứu đầu tư và ứng dụng công nghệ vào dây chuyền sản xuất kinh doanh Công ty, quan tâm đến bảo vệ môi trường vì sức khỏe của CBCNV nói riêng và cộng đồng dân cư nói riêng nhằm phát triển hài hòa tăng tính bền vững phù hợp với chiến lược



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Lô 4, KCN Điện Nam, Điện Ngọc, P. Điện Nam Bắc, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam

Điện thoại: 02353 947 233

Fax: 02353 947 244

Email: info@petrocenter.com.vn

Web: www.petrocenter.com.vn

phát triển của Công ty. Trên cơ sở không ngừng hoàn thiện và nâng cao chất lượng quản trị, đảm bảo an toàn chất lượng, hiệu quả bền vững.

Đa dạng hóa sản phẩm, lấy trọng tâm là sản xuất – nhập khẩu – kinh doanh bán buôn, đồng thời phát triển bán lẻ đáp ứng nhu cầu thị trường. Phát huy tối đa nguồn lực đồng thời tận dụng các nguồn lực bên ngoài phát triển ngày càng lớn mạnh thị trường trong nước và nước ngoài

Bên cạnh đó, Công ty cũng sẽ tiếp tục tìm kiếm đối tác chiến lược có uy tín, có kinh nghiệm và có khả năng hỗ trợ Petro Miền Trung lâu dài trong việc tái cấu trúc hệ thống kinh doanh, quản trị phù hợp với chiến lược xây dựng và phát triển của Petro Miền Trung, hướng đến thị trường trong khu vực.

5. Các rủi ro:

TT	Tên rủi ro	Mô tả rủi ro	Biện pháp kiểm soát
1	Rủi ro vận hành, cháy nổ	Khí và các sản phẩm khí là các sản phẩm có nguy cơ tiềm ẩn trong sự cố rò rỉ gas, dễ cháy nổ. Nếu có sự cố xảy ra trong quá trình thu gom, vận chuyển, phân phối khí và các sản phẩm khí phát sinh sẽ dẫn đến nguy cơ ngừng hoạt động để khắc phục và thời gian ngừng hoạt động sẽ tác động đến khả năng hoàn thành chỉ tiêu hoạt động sản xuất, sản lượng tiêu thụ, doanh thu, lợi nhuận. Bên cạnh đó, sự cố trong vận hành cũng có nguy cơ tác động xấu đến trực tiếp đến con người, môi trường, tài sản và tăng chi phí khắc phục hậu quả.	Thường xuyên kiểm tra, giám sát dây chuyền sản xuất, vận chuyển, đảm bảo trang thiết bị luôn đảm bảo chất lượng an toàn vận hành. Thường xuyên diễn tập, kiểm tra công tác phòng cháy chữa cháy và đào tạo CBCNV kiến thức về phòng chống cháy nổ
2	Rủi ro về nguồn nhân lực	Không bắt kịp nhu cầu ngày càng cao của thị trường, các thay đổi khác liên quan đến ngành nghề	Xây dựng đội ngũ CBCNV có trình độ, quản trị tốt nguồn nhân lực, xây dựng các chính sách đãi ngộ phù hợp để giữ và phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu tăng trưởng kinh doanh
3	Quy trình, quy chế	Sự thiếu hụt hoặc sai sót của các quy trình, quy chế trong quản trị nội bộ sẽ gây nên tính mất thống nhất của doanh nghiệp	Thường xuyên ban hành mới/sửa đổi và ban hành lại các quy chế, quy trình để phù hợp với thực tế : Điều lệ, quy chế tài chính, quy chế kinh doanh
4	Công nghệ thông tin	Hệ thống công nghệ thông tin giúp nâng cao hoạt động sản xuất kinh	Hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin phục vụ cho



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Lô 4, KCN Điện Nam, Điện Ngọc, P. Điện Nam Bắc, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam

Điện thoại: 02353 947 233

Fax: 02353 947 244

Email: info@petrocenter.com.vn

Web: www.petrocenter.com.vn

		doanh, thiết lập với khách hàng, nhà đầu tư, đối tác, cổ đông. Hệ thống công nghệ thông tin không phù hợp, bị gián đoạn, không bảo mật sẽ gây ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty	việc hoạt động sản xuất kinh doanh. Áp dụng phần mềm công nghệ thông tin hiện đại trong quản trị tài chính, kế toán. Hoàn thiện website Công ty tăng cường công tác quan hệ cổ đông Tăng cường hệ thống bảo mật thông tin
5	Rủi ro về công bố thông tin	Không đúng thời hạn, không đầy đủ, chính xác sẽ ảnh hưởng đến niềm tin của cổ đông, nhà đầu tư đối tác cũng như uy tín hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty	- Nắm vững luật, cập nhật đầy đủ các quy định những thay đổi có liên quan đến công bố thông tin đối với Công ty niêm yết (nếu có) - Xây dựng quy trình nội bộ về cung cấp và công bố thông tin nhằm đảm bảo các thông tin hoạt động, thông tin tài chính được báo cáo chính xác, kịp thời, đúng hạn, minh bạch. - Thường xuyên trao đổi với đại diện phụ trách CBTT của UBCKNN, SGDCK để kiểm tra đầy đủ và chính xác của các thông tin cần công bố
6	Rủi ro kinh tế	Những diễn biến bất lợi có thể dẫn đến ảnh hưởng nguồn cung, tỷ giá, lạm phát, thắt chặt tín dụng, thị trường tài chính, nguyên liệu đầu vào	Chuẩn bị tốt, dự trù cho những tình huống thay đổi trong nền kinh tế thị trường, củng cố nội lực tài chính đồng thời xây dựng mối quan hệ bền vững với các khách hàng, nhà cung cấp và tổ chức tín dụng của Công ty
7	Rủi ro thương mại và tài chính	Rủi ro thương mại : Việc phải thu hồi nợ phải thu của khách hàng. Rủi ro tài chính : Liên quan đến khả năng kinh doanh hiệu quả với chính sách giá bán sản phẩm, chi phí bộ máy, chi phí tài chính trong bối cảnh năng lực và chất lượng vận hành của	Bộ phận quản lý công nợ theo dõi sát sao, phân loại từng khách hàng có chính sách tín dụng phù hợp, đôn đốc khách hàng trả nợ kịp thời. Xây dựng chính sách giá bán hợp lý, quản lý tốt chi phí



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Lô 4, KCN Điện Nam, Điện Ngọc, P. Điện Nam Bắc, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam

Điện thoại: 02353 947 233

Fax: 02353 947 244

Email: info@petrocenter.com.vn

Web: www.petrocenter.com.vn

		các nhà sản xuất thị trường trong nước ngày càng tăng lên cũng như do tác động nguồn hàng nhập khẩu và các đơn vị phân phối hàng cho Công ty	
8	Rủi ro chính trị	Rủi ro xảy ra các thay đổi bất lợi về môi trường chính trị, gây cản trở hoạt động và các quyết định kinh doanh	Thực hiện đánh giá trước khi đầu tư, theo dõi và giám sát khi đã đi vào hoạt động. Thường xuyên cập nhật thông tin và có các đánh giá phù hợp
9	Rủi ro pháp lý	Hoạt động sản xuất kinh doanh tuân thủ theo pháp luật, các quy định hiện hành. Môi trường pháp lý : thuế, hải quan, môi trường, lao động, tiền lương, chứng khoán, xây dựng, ...thay đổi đều ảnh hưởng đến hoạt động Công ty	Cập nhật, đánh giá tác động đến hoạt động kinh doanh để ra giải pháp phù hợp
10	Rủi ro phát triển bền vững	Những tác động có thể có của hoạt động kinh doanh đến chất lượng quản trị doanh nghiệp, nền kinh tế, môi trường, và xã hội.	Chú trọng đánh giá và quản lý các rủi ro tác động đến sự phát triển bền vững cũng như tác động đến môi trường, xã hội, tác động từ hoạt động kinh doanh đối với môi trường xã hội. Đánh giá và công bố thông tin về hiệu quả hoạt động kinh doanh và tác động liên quan đến môi trường, xã hội và quản trị doanh nghiệp
11	Rủi ro truyền thông	Mất danh tiếng hoặc thiệt hại tài chính do không xử lý kịp thời, hợp lý các thông tin bất lợi bị phát tán trên các phương tiện thông tin đại chúng	Theo dõi và phản ánh kịp thời các thông tin truyền thông tiêu cực thông qua công cụ tự động và đội xử lý khủng hoảng phù hợp
12	Rủi ro về kế hoạch chiến lược	Thiếu kế hoạch chiến lược đúng đắn để đáp ứng các mục tiêu chiến lược dài hạn của Công ty	Kế hoạch chiến lược đã được thiết lập, truyền thông đến các bên liên quan và giao cho phòng hoạch định chiến lược giám sát và thực hiện. Danh mục các dự án chiến lược cũng được phê duyệt, triển khai và giám sát tình hình thực hiện



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Lô 4, KCN Điện Nam, Điện Ngọc, P. Điện Nam Bắc, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam

Điện thoại: 02353 947 233

Fax: 02353 947 244

Email: info@petrocenter.com.vn

Web: www.petrocenter.com.vn

13	Rủi ro cạnh tranh	Rủi ro trong việc đánh mất lợi thế cạnh tranh, không nắm bắt đúng yêu cầu và xu thế của thị trường và khi nhiều đối thủ cạnh tranh ngày càng cải tiến sự khác biệt của họ	Tiếp tục phát huy các chiến lược duy trì lợi thế cạnh tranh, gia tăng thị phần. Tăng cường đào tạo phát triển đội ngũ cán bộ, cải tiến mô hình kinh doanh, cải tiến hệ thống thông tin, quy trình nội bộ tối ưu hóa việc vận hành và chi phí dựa trên hệ thống quản trị hiện đại
14	Rủi ro về nguyên liệu đầu vào	Nguồn nguyên liệu phục vụ cho hoạt động của Công ty là nhập khẩu từ các nước và thu mua từ các đơn vị phân phối trong nước. Nếu sản lượng khí khai thác được của các nước thấp hơn so với dự báo sẽ có rủi ro tăng giá khí, hạn chế nguồn cung. Ngoài ra, đầu vào là nguồn nguyên liệu chính và chiếm phần lớn trong cơ cấu giá thành hiện nay.	Cam kết hợp tác lâu dài với các nhà cung cấp khí. Chuẩn bị sẵn sàng những nguồn cung cấp khí thay thế để có thể bù đắp thiếu hụt nguyên liệu đầu vào trong trường hợp thị trường khí diễn biến không thuận lợi. Công tác dự báo để hạn chế hoặc trữ lượng hàng cần thiết để kiểm soát giá đầu vào
15	Rủi ro khí hậu	Sự thay đổi khí hậu, mùa trong năm ảnh hưởng đến sản lượng tiêu thụ khí và các sản phẩm khí, đến sự cân đối cung cầu khí	Tăng cường công tác dự báo nhu cầu tiêu thụ nhằm khai thác hiệu quả, triệt để nguồn khí và sản phẩm khí
16	Rủi ro dịch bệnh	Đại dịch Covid-19 đã gây tác động tiêu cực lên mọi mặt kinh tế xã hội. Doanh nghiệp chịu tác động xấu, ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh.	Đào tạo và áp dụng các biện pháp phòng chống dịch bệnh đến toàn bộ CBNV. Tuân thủ hướng dẫn chỉ đạo của các cơ quan có chức năng. Đảm bảo việc vận hành được thông suốt.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:
 - + Năm 2020, nền kinh tế thế giới trải qua khủng hoảng chưa có tiền lệ khi đại dịch Covid-19 bùng phát và lan rộng. Hoạt động sản xuất kinh doanh của phần lớn doanh nghiệp bị đình trệ, giá dầu tụt dốc trong hầu hết thời gian của năm khiến ngành dầu khí Việt Nam gặp nhiều khó khăn, và Petro Miền Trung cũng không phải là ngoại lệ. Dưới tác động kép của



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Lô 4, KCN Điện Nam, Điện Ngọc, P. Điện Nam Bắc, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam

Điện thoại: 02353 947 233

Fax: 02353 947 244

Email: info@petrocenter.com.vn

Web: www.petrocenter.com.vn

dịch bệnh và giá dầu giảm sâu, Petro Miền Trung đã chịu tác động trực tiếp khi các khách hàng của Công ty thu hẹp quy mô, đình trệ sản xuất.

- + Trước bối cảnh đó, Công ty đã đánh giá, nhận diện các rủi ro, đưa ra các giải pháp linh hoạt trên cơ sở phát huy hiệu quả các nguồn lực sẵn có, bám sát tình hình biến động của giá dầu cũng như dịch bệnh để giữ vững thị phần, phát triển khách hàng phù hợp với tình hình nội tại của Công ty, nỗ lực tối đa hoàn thành các mục tiêu đã đề ra.
- + Trong năm 2020, với những khó khăn do tình hình dịch bệnh gây ra, Petro Miền Trung đã áp dụng nhiều chính sách hỗ trợ khách hàng để duy trì thị phần, đồng thời vẫn giữ nguyên chế độ đãi ngộ cho người lao động, đảm bảo cuộc sống cho CBNV để họ tiếp tục gắn bó lâu dài với Công ty. Chính vì vậy, biên lợi nhuận cũng như kết quả kinh doanh năm 2020 ghi nhận sự sụt giảm so với cùng kỳ. Các chỉ tiêu cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ hoàn thành
1. Doanh thu thuần	1.400 tỷ đồng	1.225 tỷ đồng	88%
2. Lợi nhuận sau thuế	62 tỷ	7 tỷ đồng	11%
3. Tỷ lệ cổ tức (%)	10-15%	0%	0%

- + Trong năm 2020, với những khó khăn do tình hình dịch bệnh gây ra, Petro Miền Trung đã áp dụng nhiều chính sách hỗ trợ khách hàng để duy trì thị phần như giảm giá bán, áp dụng chương trình khuyến mãi, linh hoạt trong việc thanh toán tiền hàng. Điều này làm tăng chi phí bán hàng hơn so với cùng kỳ. Bên cạnh đó, Công ty luôn xác định nhân lực là yếu tố quan trọng của mỗi doanh nghiệp. Chính vì vậy, dù ảnh hưởng tiêu cực của Đại dịch tới kết quả kinh doanh nhưng Công ty vẫn giữ nguyên chế độ đãi ngộ cho người lao động, đảm bảo cuộc sống cho CBNV để họ tiếp tục gắn bó lâu dài với Công ty. Những yếu tố trên đã khiến biên lợi nhuận cũng như kết quả kinh doanh năm 2020 ghi nhận sự sụt giảm so với cùng kỳ.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông	Nguyễn Tiến Lãng
Chức vụ	Chủ tịch HĐQT thành viên HĐQT không điều hành
Ngày tháng năm sinh	03/10/1968
Nơi sinh	Đà Nẵng
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	8 G khối phố 5, Phường Hiệp Thành, Quận 12, TP Hồ Chí Minh
CMND	025473008
Trình độ chuyên môn	Đại học chuyên ngành quản trị kinh doanh



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Lô 4, KCN Điện Nam, Điện Ngọc, P. Điện Nam Bắc, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam
 Điện thoại: 02353 947 233 Fax: 02353 947 244
 Email: info@petrocenter.com.vn Web: www.petrocenter.com.vn

Chức vụ hiện nay	Chủ tịch HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Gas Miền Trung
Quá trình công tác	Năm 2013 đến 2017 Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Gas Miền Trung Từ ngày 28/6/2017 đến ngày 07/12/2017 Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Gas Miền Trung
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ Trong đó : - Sở hữu cá nhân - Được ủy quyền đại diện	16.217.932 cổ phần, 35% vốn điều lệ 16.217.932 cổ phần, chiếm 35% vốn điều lệ 0 cổ phần

Bà	Nguyễn Thị Bích Thủy
Chức vụ	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ngày tháng năm sinh	19/06/1977
Nơi sinh	Đà Nẵng
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	53 Đoàn Thị Điểm – Phường Hải Châu II – Quận Hải Châu – TP Đà Nẵng
CMND	201300482
Trình độ chuyên môn	Đại học chuyên ngành du lịch
Chức vụ hiện nay	Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Quá trình công tác	Năm 2011 đến 2016 Phó Giám đốc Công ty TNHH Gas Miền Trung Từ năm 2017 đến nay : Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần đầu tư và sản xuất Petro Miền Trung
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ Trong đó : - Sở hữu cá nhân - Được ủy quyền đại diện	6.950.542, chiếm 15% vốn điều lệ 6.950.542, chiếm 15% vốn điều lệ 0 cổ phần

Ông	Lê Tấn Cần
Chức vụ	Thành viên HĐQT. Thành viên độc lập HĐQT
Ngày tháng năm sinh	06/08/1956
Nơi sinh	Điện Bàn – Quảng Nam
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	K322 H54/39 đường Hải Phòng, Phường Chính Gián,



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Lô 4, KCN Điện Nam, Điện Ngọc, P. Điện Nam Bắc, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam

Điện thoại: 02353 947 233

Fax: 02353 947 244

Email: info@petrocenter.com.vn

Web: www.petrocenter.com.vn

	Quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng
CMND	200870156
Trình độ chuyên môn	Kỹ thuật công nghệ
Chức vụ hiện nay	Thành viên Hội đồng quản trị
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Quá trình công tác	Tháng 04/2020 đến nay Thành viên HĐQT
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Trong đó :	
- Sở hữu cá nhân	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Được ủy quyền đại diện	0 cổ phần

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

Bà	Nguyễn Thị Bích Thùy
Chức vụ	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ngày tháng năm sinh	19/06/1977
Nơi sinh	Đà Nẵng
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	53 Đoàn Thị Điểm – Phường Hải Châu II – Quận Hải Châu – Thành Phố Đà Nẵng
CMND	201300482
Trình độ chuyên môn	Đại học chuyên ngành du lịch
Chức vụ hiện nay	Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Quá trình công tác	Năm 2011 đến 2016 Phó Giám đốc Công ty TNHH Gas Miền Trung Từ năm 2017 đến nay : Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần đầu tư và sản xuất Petro Miền Trung
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	6.950.542, chiếm 15% vốn điều lệ
Trong đó :	
- Sở hữu cá nhân	6.950.542, chiếm 15% vốn điều lệ
- Được ủy quyền đại diện	0 cổ phần

Bà	Võ Thị Ánh Nguyệt
Chức vụ	Phó Tổng Giám đốc kinh doanh
Ngày tháng năm sinh	01/01/1981
Nơi sinh	Quảng Nam
Quốc tịch	Việt Nam



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Lô 4, KCN Điện Nam, Điện Ngọc, P. Điện Nam Bắc, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam

Điện thoại: 02353 947 233

Fax: 02353 947 244

Email: info@petrocenter.com.vn

Web: www.petrocenter.com.vn

Địa chỉ thường trú	582 Cửa Đại, TP Hội An, tỉnh Quảng Nam
CMND	205062668
Trình độ chuyên môn	Đại học chuyên ngành Quản trị kinh doanh
Chức vụ hiện nay	Phó Tổng Giám đốc kinh doanh
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Quá trình công tác	Năm 2003 đến 2015 Nhân viên kinh doanh Công ty TNHH Gas Miền Trung Từ năm 2016 đến nay : Phó Tổng Giám đốc kinh doanh Công ty Cổ phần đầu tư và sản xuất Petro Miền Trung
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ Trong đó :	140.415 cổ phần, chiếm 0,3% vốn điều lệ
- Sở hữu cá nhân	140.415 cổ phần, chiếm 0,3% vốn điều lệ
- Được ủy quyền đại diện	0 cổ phần

BAN KIỂM SOÁT

Bà	Nguyễn Thị Hồng Bích
Chức vụ	Trưởng Ban kiểm soát
Ngày tháng năm sinh	22/12/1990
Nơi sinh	Điện Hòa – Điện Bàn – Quảng Nam
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Xã Điện Hòa – Thị xã Điện Bàn – Tỉnh Quảng Nam
CMND	205386294
Trình độ chuyên môn	Đại học kế toán
Chức vụ hiện nay	Trưởng Ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Quá trình công tác	Tháng 4/2020, Trưởng ban kiểm soát Công ty CP đầu tư và sản xuất Petro Miền Trung
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ Trong đó :	168 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Sở hữu cá nhân	168 cổ phần
- Được ủy quyền đại diện	0 cổ phần

Bà	Lê Thị Hồng Trang
Chức vụ	Thành viên Ban kiểm soát
Ngày tháng năm sinh	07/11/1985



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Lô 4, KCN Điện Nam, Điện Ngọc, P. Điện Nam Bắc, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam

Điện thoại: 02353 947 233

Fax: 02353 947 244

Email: info@petrocenter.com.vn

Web: www.petrocenter.com.vn

Nơi sinh	Quảng Nam
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Hòa Hải, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng
CMND	201539169
Trình độ chuyên môn	Trung cấp chuyên ngành kế toán
Chức vụ hiện nay	Thành viên Ban Kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Quá trình công tác	Năm 2006 đến nay Kế toán Công ty TNHH Gas Miền Trung Tháng 10/2016 đến nay Thành viên BKS Công ty Cổ phần đầu tư và sản xuất Petro Miền Trung
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ Trong đó :	28.083 cổ phần, chiếm 0,06% vốn điều lệ
- Sở hữu cá nhân	28.083 cổ phần, chiếm 0,06% vốn điều lệ
- Được ủy quyền đại diện	0 cổ phần

Bà	Trần Thị Quyên
Chức vụ	Thành viên BKS
Ngày tháng năm sinh	12/11/1985
Nơi sinh	Quảng Nam
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Thôn 4, Quế Bình, Hiệp Đức, Quảng Nam
CMND	205260120
Trình độ chuyên môn	Trung cấp chuyên ngành kế toán
Chức vụ hiện nay	Thành viên Ban Kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Quá trình công tác	Năm 2016 đến nay Kế toán Công ty TNHH Gas Miền Trung Tháng 10/2016 Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần đầu tư và sản xuất Petro Miền Trung
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ Trong đó :	28.083 cổ phần, chiếm 0,06% vốn điều lệ
- Sở hữu cá nhân	28.083 cổ phần, chiếm 0,06% vốn điều lệ
- Được ủy quyền đại diện	0 cổ phần



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Lô 4, KCN Điện Nam, Điện Ngọc, P. Điện Nam Bắc, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam

Điện thoại: 02353 947 233

Fax: 02353 947 244

Email: info@petrocenter.com.vn

Web: www.petrocenter.com.vn

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Họ	Nguyễn Thị Linh Thường
Chức vụ	Kế toán trưởng
Ngày tháng năm sinh	01/06/1979
Nơi sinh	Quảng Trị
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Thôn Mỹ Hạ, Thanh Mai, Thanh Oai, Hà Nội
CMND	045179000004
Trình độ chuyên môn	Đại học chuyên ngành Quản trị kinh doanh
Chức vụ hiện nay	Kế toán trưởng
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Quá trình công tác	Từ 2008 đến nay Kế toán trưởng Công ty Cổ phần đầu tư và sản xuất Petro Miền Trung
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	28.083 cổ phần, chiếm 0,06% vốn điều lệ
Trong đó :	
- Sở hữu cá nhân	28.083 cổ phần, chiếm 0,06% vốn điều lệ
- Được ủy quyền đại diện	0 cổ phần

- Những thay đổi trong ban điều hành:

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/HĐQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
01	Hàn Kiều Minh Phương	Thành viên		16/03/2020
02	Lê Tấn Cán	Thành viên	29/04/2020	

TT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS/ Ủy ban kiểm toán
01	Ngô Thị Hường	Trưởng Ban kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 29/04/2020
02	Nguyễn Thị Hồng Bích	Trưởng Ban kiểm soát	Được bầu bổ sung tại thời điểm 29/04/2020

TT	Thành viên Ban điều hành	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm / miễn nhiệm thành viên ban điều hành
01	Phạm Thị Hà	Phó TGD	Miễn nhiệm ngày 18/06/2020



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Lô 4, KCN Điện Nam, Điện Ngọc, P. Điện Nam Bắc, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam

Điện thoại: 02353 947 233

Fax: 02353 947 244

Email: info@petrocenter.com.vn

Web: www.petrocenter.com.vn

- Tính đến ngày 31/12/2020, Tổng số CBCNV trong toàn hệ thống là 366 người, trong đó nam giới là 310 người, nữ giới 56 người, tập trung vào lĩnh vực vận hành, bảo quản, sửa chữa.

Công ty đã xây dựng và ban hành chính sách nhân viên theo quy định pháp luật, Công ty và đặc thù của Công ty với cơ chế trả lương, trả thưởng linh hoạt, có tính cạnh tranh theo cơ chế thị trường nhằm giữ và thu hút nhân tài làm việc lâu dài Công ty :

- + Đảm bảo tiền lương, thu nhập và ổn định để người lao động yên tâm công tác; việc trả lương thưởng và chế độ đãi ngộ khác dựa trên năng lực thực sự và hiệu quả công việc của từng cá nhân;
- + Thưởng thành tích định kỳ và đột xuất cho cá nhân và đơn vị, thưởng sáng kiến cải tiến; thưởng vận hành an toàn công trình khí;
- + Các loại phụ cấp đặc thù ngành khí được áp dụng phù hợp với điều kiện, môi trường làm việc của từng vị trí công việc;
- + Tôn trọng và tuân thủ các tiêu chuẩn về an toàn, sức khỏe và môi trường;
- + Khám và theo dõi sức khỏe mỗi năm một lần; trợ cấp, tặng quà nhân các sự kiện đặc biệt của người lao động;
- + Chế độ BHXH, BHYT và BHTN theo quy định của Nhà nước; chế độ bảo hiểm tự nguyện mang tính phúc lợi cao cho người lao động;
- + Thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao cho người lao động;
- + Người lao động được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng làm việc, đào tạo theo yêu cầu pháp luật, đào tạo chuyên môn, an toàn định kỳ.
- + Tập huấn công tác Phòng cháy chữa cháy, huấn luyện về an toàn vệ sinh lao động do Sở lao động và thương binh xã hội Quảng Nam tổ chức, tham gia lớp học vệ sinh an toàn thực phẩm

3. Tình hình tài chính

Trong năm 2020, với những khó khăn do tình hình dịch bệnh gây ra, Petro Miền Trung đã áp dụng nhiều chính sách hỗ trợ khách hàng để duy trì thị phần như giảm giá bán, áp dụng chương trình khuyến mãi, linh hoạt trong việc thanh toán tiền hàng. Điều này làm tăng chi phí bán hàng hơn so với cùng kỳ. Bên cạnh đó, Công ty luôn xác định nhân lực là yếu tố quan trọng của mỗi doanh nghiệp. Chính vì vậy, dù ảnh hưởng tiêu cực của Đại dịch tới kết quả kinh doanh nhưng Công ty vẫn giữ nguyên chế độ đãi ngộ cho người lao động, đảm bảo cuộc sống cho CBCNV để họ tiếp tục gắn bó lâu dài với Công ty. Những yếu tố trên đã khiến biên lợi nhuận cũng như kết quả kinh doanh năm 2020 ghi nhận sự sụt giảm so với cùng kỳ.

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1,482.94	1,488.64	0.38%



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Lô 4, KCN Điện Nam, Điện Ngọc, P. Điện Nam Bắc, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam

Điện thoại: 02353 947 233

Fax: 02353 947 244

Email: info@petrocenter.com.vn

Web: www.petrocenter.com.vn

Doanh thu thuần	1,359.24	1,224.81	-9.89%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	68.93	20.59	-70.13%
Lợi nhuận khác	14.26	22.60	58.49%
Lợi nhuận trước thuế	83.18	43.19	-48.08%
Lợi nhuận sau thuế	64.21	6.58	-89.75%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	10%	0%	-

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Kết quả sản xuất kinh doanh ghi nhận sự sụt giảm kéo theo các chỉ số sinh lời giảm tương ứng. Tuy nhiên, vay nợ trong năm 2020 đã được kiểm soát tốt hơn, khiến các chỉ số về đòn bẩy tài chính được cải thiện.

Chỉ tiêu	Đơn vị	2019	2020
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,57	0,63
- Hệ số thanh toán nhanh [(TSLĐ – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	Lần	0,53	0,58
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Tổng nợ phải trả/Tổng tài sản	Lần	0,62	0,47
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,63	0,89
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho (GVHB/Hàng tồn kho bình quân)	Lần	51,00	35,28
- Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản)	Lần	0,97	0,82
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,57	0,54
- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/NVCSH (ROE)	%	12,60	0,69
- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	%	4,19	0,31
- Tỷ suất Lợi nhuận HĐSXKD/Doanh thu thuần	%	5,07	1,68

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Lô 4, KCN Điện Nam, Điện Ngọc, P. Điện Nam Bắc, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam

Điện thoại: 02353 947 233

Fax: 02353 947 244

Email: info@petrocenter.com.vn

Web: www.petrocenter.com.vn

a) Cổ phần:

- Tổng số lượng cổ phần: 46.336.278 cổ phần. Trong đó:
- + Số lượng cổ phần phổ thông: 46.336.278 cổ phần
- + Số lượng cổ phần ưu đãi: 0 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông: theo danh sách cổ đông của công ty tại ngày 23/03/2021 để họp ĐHĐCĐ thường niên 2021

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	0	0	0	0	0
2	Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI	0	0	0	0	0
	- Trong nước	0	0	0	0	0
	- Nước ngoài	0	0	0	0	0
3	Cổ đông lớn	23.168.474	50,00	2	0	2
	- Trong nước	23.168.474	50,00	2	0	2
	- Nước ngoài	0	0	0	0	0
4	Công đoàn Công ty	0	0	0	0	0
	- Trong nước	0	0	0	0	0
	- Nước ngoài	0	0	0	0	0
5	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0	0
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi	0	0	0	0	0
7	Cổ đông khác	23.167.804	50,00	576	21	555
	- Trong nước	23.002.869	49,64%	559	15	544
	- Nước ngoài	164.935	0,36%	17	6	11
TỔNG CỘNG		46.336.278	100,00	578	21	557
Trong đó: - Trong nước		46.171.343	99,64%	561	15	546
- Nước ngoài		164.935	0,36%	17	6	11

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Tháng 08/2020, Công ty thực hiện phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019:

- Số lượng cổ phiếu trước phát hành : 42.124.094 cổ phiếu
- Số cổ phiếu đã phân phối: 4.212.184 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu sau phát hành: 46.336.278 cổ phiếu

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không có

5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Lô 4, KCN Điện Nam, Điện Ngọc, P. Điện Nam Bắc, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam

Điện thoại: 02353 947 233

Fax: 02353 947 244

Email: info@petrocenter.com.vn

Web: www.petrocenter.com.vn

- Thực hiện việc giảm thiểu khí cacbon, sử dụng hiệu quả nguồn nước là rất quan trọng. Những thách thức đặt ra là làm sao để thực hiện các biện pháp đầu tư thân thiện với môi trường, đầu tư vào các dự án năng lượng mới, giảm phát thải có ít tác động tới môi trường nhất. Để giải quyết được những thách thức này, cần quan tâm hơn đến vấn đề môi trường trong các quyết định đầu tư. Công ty xem xét những chỉ tiêu về mặt môi trường. Xây dựng được các chính sách và quy định, trong đó có việc đưa các yếu tố bên ngoài của nền kinh tế thực vào cơ chế định giá; giảm thiểu rủi ro cho các khoản đầu tư xanh; đưa ra những chính sách ưu đãi cho đầu tư xanh; xác định rủi ro tài chính theo tiêu chí môi trường; sử dụng các công cụ tài chính xanh mới để hỗ trợ sự phát triển của thị trường.
- Việc thực hiện các nội dung của Kế hoạch này sẽ thúc đẩy việc lồng ghép các hoạt động ứng phó với BĐKH với các chương trình, hoạt động khác, giúp hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội với ứng phó BĐKH, nâng cao tính ổn định và bền vững, giảm bớt rủi ro do BĐKH của các chương trình, kế hoạch, hoạt động phát triển kinh tế - xã hội;
- Quá trình lồng ghép việc thực hiện Kế hoạch này với các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội khác sẽ tạo điều kiện và cơ hội cho các chương trình, kế hoạch, quy hoạch phát triển của các ngành và địa phương có được trình độ cao về công nghệ và hiệu quả kinh tế, giúp tận dụng được các cơ hội trong việc tiếp cận nguồn lực tài chính, công nghệ, tăng cường năng lực do thỏa thuận Paris mang lại.
- Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dầu khí, Công ty Cổ phần đầu tư và sản xuất Petro Miền Trung hiểu tầm quan trọng và trách nhiệm của mình đối với vấn đề bảo vệ môi trường. Công ty luôn tuân thủ các quy định đối với việc bảo vệ môi trường theo quy định của Chính phủ, quản lý chặt chẽ nguồn nước, khí thải, chất thải
- Đồng thời, Công ty cũng tích cực triển khai tiết kiệm và nâng cao ý thức bảo vệ môi trường đối với toàn thể CBNV. Cụ thể, Công ty luôn khuyến khích CBNV, các đơn vị trực thuộc đưa ra đề xuất nghiên cứu khoa học có thể áp dụng đối với việc bảo vệ môi trường
- Công ty có kế hoạch nghiên cứu các sản phẩm thay thế để sản phẩm thân thiện với môi trường. Tuy nhiên, ngoài sự nỗ lực Công ty cũng cần có sự hỗ trợ về vốn, chính sách thuế,... từ Nhà nước để cho ra đời các sản phẩm thân thiện môi trường trong tương lai.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Như chúng ta đã biết, thị trường dầu khí thế giới năm qua bị ảnh hưởng nghiêm trọng do Covid-19 khiến nhu cầu sụt giảm mạnh và nguồn cung ứ đọng. Cuối tháng 4/2020, giá dầu WTI giao dịch ở mức âm và giá dầu Brent sụt giảm về quanh mức 17 USD/thùng. Tính bình quân, giá dầu Brent trong năm qua chỉ ở quanh mức 43 USD/thùng.
- Các biện pháp phòng chống Covid-19 mạnh mẽ trên toàn thế giới như giãn cách xã hội, phong tỏa địa điểm dịch bệnh... cộng với tâm lý bi quan của người dân khiến nhu cầu kinh tế rơi về vùng đáy, đặc biệt là trong nửa đầu năm 2020. Điều này cộng với giá dầu sụt giảm mạnh đã gây nên tác động kép, vừa giảm giá bán và giảm nhu cầu tiêu thụ khí từ khách hàng của Công ty do sản xuất bị thu hẹp.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Lô 4, KCN Điện Nam, Điện Ngọc, P. Điện Nam Bắc, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam

Điện thoại: 02353 947 233

Fax: 02353 947 244

Email: info@petrocenter.com.vn

Web: www.petrocenter.com.vn

- Nhờ những biện pháp phòng chống dịch bệnh hiệu quả của Chính phủ, thực hiện mục tiêu kép vừa phòng chống Covid-19 vừa phát triển kinh tế, hoạt động sản xuất kinh doanh và tâm lý của người tiêu dùng đã hồi phục đáng kể về cuối năm 2020.
- Ban Tổng Giám đốc đã luôn theo sát các biến động của thị trường dầu khí thế giới, triển vọng kinh tế vĩ mô trong nước, tình hình dịch bệnh và diễn biến hoạt động kinh doanh của Công ty để đưa ra những định hướng chỉ đạo phù hợp, linh hoạt, đảm bảo an toàn trong sản xuất kinh doanh và tận dụng mọi cơ hội có được. Với sự nỗ lực vượt bậc và đoàn kết một lòng, tập thể CBCNV Công ty đã nỗ lực tối đa, dù chưa hoàn thành các nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2020 những kết quả thực hiện vẫn là kết quả đáng ghi nhận.
- Trong một năm nhiều khó khăn, Công ty tiếp tục duy trì doanh thu ở mức cao trên 1.200 tỷ đồng (chỉ giảm nhẹ 9% so với cùng kỳ). Thị phần tiếp tục được củng cố. Và thu nhập của toàn bộ CBCNV vẫn được đảm bảo như giai đoạn trước đại dịch. Tạo tâm lý phấn khởi để người lao động cống hiến, phấn đấu mạnh mẽ hơn nữa cho giai đoạn còn nhiều thách thức phía trước.
- Trong năm qua đã không có bất kỳ sự cố nghiêm trọng nào gây ảnh hưởng đến tính mạng, môi trường cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong bối cảnh Covid-19, Công ty đã duy trì đầy đủ các biện pháp phòng chống theo khuyến cáo của Bộ Y tế, cơ quan phòng chống dịch bệnh địa phương, đảm bảo điều kiện làm việc an toàn tuyệt đối cho người lao động.
- Các dự án đầu tư thực hiện trong năm đảm bảo về chất lượng công trình, chất lượng thiết bị, an toàn, đáp ứng nhu cầu nhận khí của khách hàng, tuân thủ kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Các chủ trương về tiết kiệm, giảm chi phí, duy trì ổn định tốc độ quay vòng vốn, tính toán, cân đối nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục triển khai hiệu quả.
- Việc tuyển dụng, sử dụng, điều chuyển lao động hợp lý, đảm bảo hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Công tác đào tạo cũng được triển khai thường xuyên nhằm nâng cao tay nghề, trình độ của nhân viên, chuẩn bị nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu phát triển trong tương lai gần. Các chế độ, chính sách cho người lao động theo quy định của pháp luật, quy chế của Công ty luôn được thực hiện nghiêm túc, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho CBCNV.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020
Tài sản ngắn hạn	415,406	359,841
Tiền và các khoản tương đương tiền	47,033	84,052
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	307,972	198,643
Hàng tồn kho	30,052	25,579
Tài sản ngắn hạn khác	30,349	51,568
Tài sản dài hạn	1,067,530	1,128,801



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Lô 4, KCN Điện Nam, Điện Ngọc, P. Điện Nam Bắc, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam

Điện thoại: 02353 947 233

Fax: 02353 947 244

Email: info@petrocenter.com.vn

Web: www.petrocenter.com.vn

Tài sản cố định	591,063	554,479
Bất động sản đầu tư	94,327	94,278
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-
Tổng cộng tài sản	1,482,936	1,488,642

Tổng tài sản của Công ty giữ ở mức tương đương so với năm 2019. Trong năm Công ty đã quản lý tốt công nợ, các khoản phải thu ngắn hạn giảm hơn 30% so với cùng kỳ. Nhờ đó, tiền và các khoản tương đương tiền tăng mạnh 78% yoy và đạt 84 tỷ đồng. Hàng tồn kho và cơ cấu tài sản dài hạn giữ ổn định.

b) Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020
Nợ phải trả	917.615	699,067
Nợ ngắn hạn	721.988	574,897
Nợ dài hạn	195,627	124,170
Vốn chủ sở hữu	565.321	789,574
Tổng cộng tài sản	1,482,936	1,488,642

Cơ cấu nợ cũng cải thiện theo chiều hướng tích cực. Tổng nợ phải trả giảm ~200 tỷ so với cùng kỳ, do trong năm Công ty đã thực hiện trả nợ vay và nợ thuê tài chính, góp phần giảm chi phí lãi vay trong bối cảnh chịu tác động tiêu cực từ Dịch bệnh Covid-19. Nguồn vốn CSH tiếp tục được nâng cao do Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phiếu, nguồn lợi nhuận được giữ lại trong doanh nghiệp để tiếp tục được tái đầu tư, mở rộng sản xuất.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Ngoài các công tác điều hành bình thường, để đảm bảo đạt được các mục tiêu kế hoạch, Công ty sẽ tập trung vào các giải pháp sau:

- Từ kế hoạch chung của Công ty phân bổ thành các nhiệm vụ của từng phòng ban, yêu cầu các phòng ban xây dựng kế hoạch hoạt động giao từng cá nhân và các giải pháp giám sát thực hiện các công việc. Trên cơ sở kế hoạch được giao, đánh giá mức độ hoàn thành, gắn vào việc trả lương thưởng theo kế hoạch được duyệt.
- Điều chỉnh chính sách bán hàng để tạo sự đồng thuận và ủng hộ từ khách hàng, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho khách hàng hoàn thành doanh số.
- Đổi mới hoạt động Marketing nâng cao tính chuyên nghiệp, áp dụng Marketing số, đa dạng các hình thức, tập trung vào các hoạt động marketing tại điểm bán. Chi phí marketing gắn với tăng trưởng doanh thu.
- Quy định hạn mức chi phí, yêu cầu xây dựng giải pháp thực hiện hạn mức bao gồm cả giải pháp kiểm soát, giao trách nhiệm cho các bộ phận, trong toàn bộ hoạt động doanh nghiệp.

4. Kế hoạch kinh doanh 2021



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Lô 4, KCN Điện Nam, Điện Ngọc, P. Điện Nam Bắc, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam

Điện thoại: 02353 947 233

Fax: 02353 947 244

Email: info@petrocenter.com.vn

Web: www.petrocenter.com.vn

Đơn vị tính : tỷ đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2020
1. Doanh thu thuần hợp nhất	1.350	1.225
2. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	30	43
3. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	24	7

KHKD 2021 của Công ty hiện tại dựa trên kịch bản Dịch bệnh Covid vẫn diễn biến phức tạp trong năm 2021. Hiện vacxin mới được tiêm chủng rất hạn chế ở Việt Nam cũng như các nước trong khu vực Đông Nam Á. Khó khăn là vẫn hiện hữu đối với doanh nghiệp trong năm nay. Đặc biệt là đối với ngành dầu khí, mặc dù giá dầu đã hồi phục mạnh, nhưng trong khoảng 1 tháng trở lại đây chứng kiến giá dầu đi xuống do quan ngại về sự phức tạp của dịch bệnh. Chính vì vậy, đây là kế hoạch thận trọng mà Ban điều hành đặt ra.

Bên cạnh đó, điều rất đáng mừng là năm vừa qua PMG đã lựa chọn được các đối tác chiến lược Tokai và Lemon Gas là những tập đoàn tập đoàn năng lượng hàng đầu Nhật Bản có kinh nghiệm trong quản trị điều hành doanh nghiệp cũng như có năng lực tài chính vững mạnh. Các đối tác này đều có mong muốn và sẽ cùng đồng hành và góp sức để đưa tham vọng của chúng tôi trở thành một trong những nhà cung cấp khí hoá lỏng hàng đầu Việt Nam sớm trở thành hiện thực.

Với sự kiểm soát dịch bệnh tốt của Chính phủ, nỗ lực của toàn thể CBNV Công ty và sự đồng hành của các đối tác chiến lược, Ban điều hành tin tưởng sẽ hoàn thành và có thể hoàn thành vượt mức KHKD đã đặt ra cho năm 2021.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

- Về kết quả thực hiện kế hoạch năm 2020

Trong năm 2020, Đại dịch Covid-19 đã gây ảnh hưởng nặng nề đến hầu hết các doanh nghiệp trong đó có Petro Miền Trung. Dù đã nỗ lực khắc phục, nhưng không thể tránh khỏi tác động của đại dịch gây nên, dẫn tới các chỉ tiêu không đạt được kế hoạch đã đề ra. Một số chỉ tiêu cụ thể như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ	Hợp nhất
1. Doanh thu thuần	1.109,41	1.224,81
2. Lợi nhuận trước thuế	159,15	43,19
3. Lợi nhuận sau thuế	128,96	6,58

- Về công tác quản lý kế toán, tài chính năm 2020



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Lô 4, KCN Điện Nam, Điện Ngọc, P. Điện Nam Bắc, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam

Điện thoại: 02353 947 233

Fax: 02353 947 244

Email: info@petrocenter.com.vn

Web: www.petrocenter.com.vn

Hoạt động tài chính kế toán của Công ty Cổ phần đầu tư và sản xuất Petro Miền Trung trong năm đã hạch toán chính xác, trung thực, kịp thời, đầy đủ toàn bộ tài sản và quá trình kinh doanh của Công ty. Quản lý các khoản mục chi phí của Công ty đảm bảo tiết kiệm, chống lãng phí. Đồng thời bộ phận tài chính kế toán cũng đã làm tốt công tác tham mưu cho Ban điều hành trong các hoạt động tài chính, góp phần điều tiết và sử dụng đồng vốn của Công ty một cách an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.

- Về quản lý công tác tổ chức, lao động tiền lương

Xác định nguồn nhân lực là tài sản quý giá nhất và là chìa khóa của thành công, năm 2020 Công ty tiếp tục chính sách phát triển nguồn nhân lực, chú trọng vào việc tuyển dụng nhân sự có năng lực, đồng thời cạnh tranh thu hút nhân sự có chất lượng cao. Tạo môi trường làm việc tốt nhất để mọi cá nhân có cơ hội phát triển nghề nghiệp có chính sách đãi ngộ, đề bạt cán bộ một cách công bằng, đánh giá năng lực cán bộ lãnh đạo các cấp qua các chỉ tiêu kinh doanh, có cơ chế thu hút nhân tài và cơ hội phấn đấu, thăng tiến bình đẳng. Song song với đó, Công ty tiếp tục thực hiện việc sắp xếp lại lao động, điều chuyển và bố trí nhân sự phụ trách mảng công việc theo năng lực được thực hiện linh hoạt để cán bộ thường xuyên được trau dồi mở rộng nghiệp vụ, đồng thời Công ty thường xuyên tổ chức các lớp học/khóa học để đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn và tay nghề cho cán bộ công nhân viên

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Trong năm qua, Hội đồng quản trị Công ty đã giám sát Ban điều hành thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định pháp luật của Nhà nước, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và các cổ đông.
- HĐQT đánh giá: Ban điều hành đã luôn nỗ lực, bám sát tình hình thực tiễn, quan tâm sâu sát đến mọi mặt hoạt động của Công ty để thực hiện tốt nhiệm vụ mà ĐHĐCĐ giao phó, nỗ lực tối đa để đạt được các mục tiêu kinh doanh; giám sát công tác quản lý và điều hành kinh doanh trên cơ sở điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp; Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Trong năm 2020, HĐQT đã làm việc với nhiều đối tác lớn trong cùng lĩnh vực (Nhật Bản, Qata) có mong muốn hợp tác, hỗ trợ phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty. HĐQT Công ty sẽ tiếp tục cân nhắc lựa chọn đối tác chiến lược phù hợp nhất, có uy tín, có kinh nghiệm và khả năng hỗ trợ Petro Miền Trung lâu dài trong việc tái cấu trúc hệ thống kinh doanh, quản trị, phù hợp với chiến lược xây dựng và phát triển của Petro Miền Trung trở thành một trong những doanh nghiệp lớn nhất trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, tồn trữ, chiết xuất và phân phối khí Gas.
- Với những dự báo kinh tế vĩ mô năm 2021 sẽ rất khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, HĐQT Công ty sẽ phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành để có những biện pháp chỉ đạo kịp thời, linh hoạt để phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu KHKD 2021.
- Một số giải pháp như sau:
 - + Các giải pháp về thị trường:
 - Xây dựng chiến lược phát triển thị trường sản phẩm trong và ngoài nước, tập trung phát triển ở những khu vực khách hàng trọng điểm



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Lô 4, KCN Điện Nam, Điện Ngọc, P. Điện Nam Bắc, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam

Điện thoại: 02353 947 233

Fax: 02353 947 244

Email: info@petrocenter.com.vn

Web: www.petrocenter.com.vn

- Duy trì và cải thiện mối quan hệ tốt với các khách hàng truyền thống thông qua các chiến dịch chăm sóc khách hàng
- Xây dựng và củng cố hệ thống phân phối trên địa bàn kinh doanh một cách đồng bộ, chuyên nghiệp và hiệu quả
- + Các giải pháp về sản xuất và cung cấp dịch vụ
 - Tổ chức bộ máy kỹ thuật đảm bảo thiết kế, cung cấp vật tư thiết bị và lắp đặt hệ thống cung cấp gas cho khách hàng, duy trì các hoạt động quản lý an toàn, phòng chống cháy nổ
 - Xây dựng các định mức kỹ thuật
 - Xây dựng hệ thống thông tin trong toàn Công ty
 - Nghiên cứu và phát hiện các lĩnh vực có triển vọng trong việc sử dụng gas phục vụ cho công tác mở rộng và phát triển thị trường
 - Thực hiện phân phối đầy đủ và kịp thời
 - Tối ưu hoạt động nhập, tồn, bán nhằm mục đích tăng vòng quay vò, kho, vận chuyển...
 - Đa dạng hóa sản phẩm, gia tăng dịch vụ hỗ trợ cho từng sản phẩm
 - Củng cố, hoàn thiện và phát triển kênh phân phối, mở rộng thị trường
 - Hoàn thiện chính sách bán hàng theo hướng phù hợp với từng vùng thị trường
- + Các giải pháp về tài chính
 - Nâng cao trình độ nghiệp vụ cho đội ngũ kế toán, giám sát chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh, kiểm soát công nợ và thời hạn thanh toán
 - Xác định chính xác nhu cầu vốn theo hướng chủ động tài chính, bảo toàn và phát triển vốn, đảm bảo huy động vốn và sử dụng vốn một cách hiệu quả

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: Nêu tại Mục II.2

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: Trong năm, HĐQT đã họp 08 phiên cụ thể như sau:

TT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
01	Ông : Nguyễn Tiến Lãng	08	100%	Không
02	Bà : Nguyễn Thị Bích Thùy	08	100%	Không
03	Bà: Hàn Kiều Minh Phương	01	100%	Không
04	Ông: Lê Tấn Căn	07	100%	Không

- Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc được thực hiện theo đúng quy định theo điều lệ của công ty. Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị chỉ đạo Tổng giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Lô 4, KCN Điện Nam, Điện Ngọc, P. Điện Nam Bắc, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam

Điện thoại: 02353 947 233

Fax: 02353 947 244

Email: info@petrocenter.com.vn

Web: www.petrocenter.com.vn

điều phù hợp với phạm vi, quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị, Chủ tịch hội đồng quản trị trong các văn bản liên quan.

- Hội đồng quản trị đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Tổng giám đốc và ban điều hành trong việc điều hành sản xuất kinh doanh và triển khai Nghị quyết đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị năm 2020.
- Hội đồng quản trị thường xuyên trao đổi, thảo luận tại các cuộc họp định kỳ với Tổng Giám đốc về tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh và việc triển khai các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và triển khai các mục tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt
- Hội đồng quản trị đã phân công nhiệm vụ cụ thể các phòng ban nhằm thực hiện công tác giám sát ở các khía cạnh sau :
 - + Giám sát tình hình tài chính : Xem xét, phân tích các thông tin trên báo cáo tài chính kết hợp trao đổi trực tiếp với kiểm toán độc lập trong đợt soát xét báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm để kịp thời đánh giá kết quả soát xét trước khi Công ty Cổ phần đầu tư và sản xuất Petro Miền Trung phát hành báo cáo ra công chúng
 - + Giám sát tính tuân thủ trong hoạt động sản xuất kinh doanh : Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và theo dõi chặt chẽ tính hiệu quả và tuân thủ của Công ty Cổ phần đầu tư và sản xuất Petro Miền Trung trong các quy trình sản xuất kinh doanh chính
 - + Giám sát việc triển khai quản trị rủi ro
- Hội đồng quản trị giám sát Tổng Giám đốc và ban điều hành thông qua : chiến lược, chính sách, quy trình, các ưu tiên, kết quả thực hiện mục tiêu, quản lý rủi ro.
- Bên cạnh đó để tăng cường công cụ hỗ trợ hiệu quả cho công tác giám sát, Hội đồng quản trị đã quyết liệt chỉ đạo rà soát, xây dựng hoàn thiện hệ thống các định mức, các quy định phù hợp với quy định Nhà nước, thông lệ về quản lý, quản trị doanh nghiệp và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Các nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị

TT	Số NQ	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
01	01/03/2020/NQHĐQT	03/03/2020	Nghị quyết triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020	100%
02	03/05/2020/NQ- HĐQT	18/05/2020	Nghị quyết Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020	100%
03	04/05/2020/NQ-HĐQT	21/05/2020	Nghị quyết triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019	100%
04	05/05/2020/NQ-HĐQT	27/05/2020	Nghị quyết triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2020	100%
05	04/06/2020/NQ-HĐQT	30/06/2020	Nghị quyết HĐQT triển khai thực hiện NQ	100%



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Lô 4, KCN Điện Nam, Điện Ngọc, P. Điện Nam Bắc, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam

Điện thoại: 02353 947 233

Fax: 02353 947 244

Email: info@petrocenter.com.vn

Web: www.petrocenter.com.vn

			ĐHĐCĐ bất thường của công ty	
06	01/08/2020/NQ-HĐQT	03/08/2020	Nghị quyết chốt ngày đăng ký trả cổ tức	100%
07	02/08/2020/NQ-HĐQT	20/08/2020	Nghị quyết thông qua kết quả phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2019, thay đổi GCN DN và sửa đổi điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty.	100%
08	01/11/2020/NQ-HĐQT	02/11/2020	Nghị quyết thông qua kết quả hoạt động kinh doanh 9 tháng đầu năm 2020 và triển khai kế hoạch kinh doanh quý IV/2020.	100%

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

Trong năm 2020, thành viên HĐQT độc lập tiếp tục duy trì tương tác tích cực với HĐQT và Ban Điều hành, kịp thời thảo luận, tư vấn và đưa ra những giải pháp định hướng kịp thời, góp phần ứng phó với những diễn biến phức tạp của thị trường dầu khí trong bối cảnh khủng hoảng do Covid-19. Thành viên HĐQT độc lập đã tham gia đầy đủ các cuộc họp trong năm của HĐQT, và góp phần hoàn thiện các chính sách, công tác điều hành... bằng các kinh nghiệm và kiến thức chuyên môn của mình thông qua việc đóng góp ý kiến tại các buổi họp.

Đội ngũ lãnh đạo và điều hành đã làm việc tận tụy và chuyên nghiệp, cũng như phối hợp với nhau một cách nhịp nhàng vì lợi ích chung của Công ty và cổ đông để đạt được kết quả kinh doanh cao nhất trong bối cảnh thị trường dầu khí thế giới diễn biến khó lường. HĐQT đã không ngừng cập nhật, cải thiện hoạt động của mình nhằm hướng đến các chuẩn mực quốc tế về Quản trị công ty. Nhờ vậy, kết quả hoạt động trong năm đã hoàn thành tốt kế hoạch do ĐHĐCĐ giao phó.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: Nêu tại Mục II.2

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Căn cứ quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát theo quy định tại điều 165 của Luật doanh nghiệp, điều lệ Công ty Cổ phần đầu tư và sản xuất Petro Miền Trung và thực hiện kế hoạch công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện tổ chức kế hoạch sản xuất kinh doanh và quản lý tài chính của Công ty theo các nội dung sau:

- Thẩm định báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020, báo cáo tài chính quý IV và năm 2019, quý I, quý II, bán niên, quý III năm 2020 báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.
- Giám sát, kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường năm 2020, Nghị quyết Hội đồng quản trị đối với thành viên Hội đồng quản trị, kiểm tra tính hợp pháp hợp lý các hoạt động sản xuất kinh doanh theo các Nghị quyết của Đại Hội đồng



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Lô 4, KCN Điện Nam, Điện Ngọc, P. Điện Nam Bắc, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam

Điện thoại: 02353 947 233

Fax: 02353 947 244

Email: info@petrocenter.com.vn

Web: www.petrocenter.com.vn

cổ đông đề ra. Ngoài ra, giám sát tình hình thực hiện và tuân thủ điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp, pháp luật Nhà nước.

- Giám sát tình hình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020
- Giám sát tình hình tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ, tình hình quản lý và sử dụng vốn, cân đối và quản lý dòng tiền
- Tiếp tục hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách, sửa đổi bổ sung và hoàn thiện hệ thống văn bản nội bộ, các quy chế, quy trình quản lý nhằm quản trị hiệu quả khoa học, minh bạch phù hợp với thực tế và tuân thủ pháp luật hiện hành.
- Thực hiện các công việc khác của Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các quy định hiện hành
- Qua công tác kiểm tra, giám sát Ban kiểm soát nhận thấy : Nhìn chung hoạt động quản lý điều hành Công ty của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và bộ máy quản lý điều hành của Công ty đã tuân thủ các quy định Pháp luật của Nhà nước, điều lệ Công ty, các Nghị quyết, quyết định, chỉ thị của Hội đồng quản trị đã tuân thủ các quy định của điều lệ Công ty, của Đại hội đồng cổ đông và được Ban Tổng Giám đốc triển khai thực hiện theo đúng yêu cầu.
- Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã tạo điều kiện hỗ trợ Ban kiểm soát hoàn thành tốt nhiệm vụ giám sát việc quản lý và điều hành của Công ty, duy trì mối quan hệ làm việc, phối hợp đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty, của cổ đông, tuân thủ các quy định của pháp luật và các văn bản quản lý nội bộ của Công ty.
- Bên cạnh việc kiểm soát các hoạt động của Công ty mẹ, Ban kiểm soát còn thực hiện kiểm soát tình hình tài chính và một số chỉ tiêu kinh doanh, hoạt động của các Công ty con, Công ty liên kết, giám sát việc chi trả cổ tức cho cổ đông theo kế hoạch.
- Các cuộc họp của Ban kiểm soát:

TT	Thành viên BKS/ Ủy ban kiểm toán	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
01	Ngô Thị Hường	01	100%	100%	Không
02	Nguyễn Thị Hồng Bích	03	100%	100%	Không
03	Lê Thị Hồng Trang	04	100%	100%	Không
04	Trần Thị Quyên	04	100%	100%	Không

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

STT	Tên	Chức danh	Thù lao năm 2020 (Đồng)
1	Nguyễn Tiến Lãng	Chủ tịch HĐQT	432.000.000
2	Nguyễn Thị Bích Thùy	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	640.500.000



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Lô 4, KCN Điện Nam, Điện Ngọc, P. Điện Nam Bắc, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam

Điện thoại: 02353 947 233

Fax: 02353 947 244

Email: info@petrocenter.com.vn

Web: www.petrocenter.com.vn

3	Hàn Kiều Minh Phương	Thành viên HĐQT	144.000.000
4	Võ Thị Ánh Nguyệt	Phó TGD	242.000.000
5	Nguyễn Thị Linh Thường	Kế toán trưởng	385.200.000

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không có

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- HĐQT, Ban Giám đốc đã thực thi đúng quyền hạn và nghĩa vụ với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông. HĐQT đã bám sát các mục tiêu, định hướng ĐHCĐ quyết nghị để triển khai các nhiệm vụ cụ thể. Ban Giám đốc căn cứ nghị quyết, quyết định của HĐQT triển khai nhiệm vụ một cách kịp thời và có những ứng xử linh hoạt để đạt được kết quả tốt nhất.
- Lãnh đạo Công ty đã chú trọng thực hiện các biện pháp bảo toàn vốn, công tác thu hồi công nợ được quan tâm sâu sát, sử dụng nhiều biện pháp để thu hồi, thực hiện trích lập quỹ dự phòng tài chính đầy đủ, đúng quy định.
- Việc ban hành các qui chế, qui định nội bộ được thực hiện chặt chẽ, căn trọng trên cơ sở thực tiễn doanh nghiệp và phù hợp với qui định của pháp luật. Thông qua các ý kiến đóng góp vào dự thảo đã phát huy được trí tuệ tập thể, do đó các qui định khi ban hành có tính khả thi cao, thực sự là công cụ hữu hiệu phục vụ công tác quản lý, điều hành.

VI. Báo cáo tài chính 2020

1. Ý kiến kiểm toán (đính kèm)

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (đính kèm)

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- HOSE;
- Cổ đông;
- Lưu: VT.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN
XUẤT PETRO MIỀN TRUNG
XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT CỦA CÔNG TY

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Bích Thùy



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	6 - 7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 36

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4000462724) ngày 09/05/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 20 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 25/09/2020.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) theo Quyết định số 491/QĐ-SGDHCM ngày 27/12/2017 với mã chứng khoán là PMG.

Vốn điều lệ: 463.362.780.000 đồng.

Vốn thực góp đến ngày 31/12/2020: 463.362.780.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Lô số 04, KCN Điện Nam – Điện Ngọc, Phường Điện Nam Bắc, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam.
- Điện thoại: (84) 02353 947 233
- Fax: (84) 02353 947 244
- Website: <http://petrocenter.com.vn/>

Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: kinh doanh, xuất nhập khẩu khí đốt hóa lỏng LPG (bao gồm bán LPG cho xe bồn, xe ô tô, xe máy, LPG chai lớn và chai nhỏ), CNG, xăng, dầu, dầu nhờn, chi tiết nạp gas chai lớn, chai mini, xe ô tô và xe bồn. Kinh doanh vỏ bình gas, bếp gas và các phụ kiện liên quan;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Chế biến bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn đồ uống chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**Nhân sự**

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 29 người. Trong đó, bộ phận quản lý là 3 người. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

• Ông Nguyễn Tiến Lãng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01/11/2017
• Bà Nguyễn Thị Bích Thùy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01/11/2017
• Ông Lê Tấn Cẩn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/04/2020
• Bà Hàn Kiều Minh Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01/11/2017 Miễn nhiệm ngày 29/04/2020

Ban Kiểm soát

• Bà Nguyễn Thị Hồng Bích	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 15/05/2020
• Bà Ngô Thị Hương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 27/07/2019 Miễn nhiệm ngày 29/04/2020
• Bà Lê Thị Hồng Trang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01/11/2017
• Bà Trần Thị Quyên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01/11/2017

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

• Bà Nguyễn Thị Bích Thùy	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20/10/2010
• Bà Võ Thị Ánh Nguyệt	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30/11/2016
• Bà Phạm Thị Hà	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27/11/2019 Miễn nhiệm ngày 18/06/2020
• Bà Nguyễn Thị Linh Thường	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01/01/2008

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Bích Thùy

Quảng Nam, ngày 09 tháng 04 năm 2021



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 638/2021/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 09/04/2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 6 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 3, Báo cáo tài chính đính kèm là Báo cáo tài chính năm 2020 của riêng Công ty mẹ. Báo cáo tài chính này cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 để người sử dụng có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Trần Thị Thu Hiền – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0753-2018-010-1
Đà Nẵng, ngày 09 tháng 04 năm 2021

Nguyễn Văn Thiện – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3108-2020-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 01 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư

số 200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		284.968.154.703	156.534.029.303
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		29.491.759.488	28.208.362.044
1. Tiền	111	6	29.491.759.488	28.208.362.044
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		253.609.427.818	107.022.670.428
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	250.310.654.431	103.471.213.052
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	3.259.099.784	2.837.758.209
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9a	39.673.603	713.699.167
IV. Hàng tồn kho	140	10	1.652.405.585	19.731.098.043
1. Hàng tồn kho	141		1.652.405.585	19.731.098.043
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		214.561.812	1.571.898.788
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14a	60.625.252	411.250.733
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		80.156.671	1.078.614.166
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	73.779.889	82.033.889
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		623.660.397.770	724.944.844.944
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		8.641.159.192	9.731.122.525
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	9b	8.641.159.192	9.731.122.525
II. Tài sản cố định	220		12.744.283.052	95.670.795.254
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	12.744.283.052	95.670.795.254
- Nguyên giá	222		29.433.263.021	122.972.486.578
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.688.979.969)	(27.301.691.324)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228	12	1.818.181.818	1.818.181.818
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.818.181.818)	(1.818.181.818)
III. Bất động sản đầu tư	230	13	94.278.419.566	94.327.181.818
- Nguyên giá	231		94.327.181.818	94.327.181.818
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(48.762.252)	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		506.358.885.113	406.750.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	15	507.055.979.612	406.750.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	15	(697.094.499)	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.637.650.847	118.465.745.347
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14b	1.637.650.847	118.465.745.347
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		908.628.552.473	881.478.874.247

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		316.138.549.207	417.446.580.631
I. Nợ ngắn hạn	310		271.181.762.420	355.435.170.460
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	201.390.097.171	99.123.018.233
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	7.064.259.428	26.543.819.157
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	7.347.440.821	5.018.751.619
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		79.000.000	556.369.451
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	19a	965.000	600.000.000
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20a	54.700.000.000	223.193.212.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		600.000.000	400.000.000
II. Nợ dài hạn	330		44.956.786.787	62.011.410.171
1. Phải trả dài hạn khác	337	19b	44.956.786.787	51.960.200.171
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20b	-	10.051.210.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		592.490.003.266	464.032.293.616
I. Vốn chủ sở hữu	410		592.490.003.266	464.032.293.616
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21	463.362.780.000	421.240.940.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		463.362.780.000	421.240.940.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	129.127.223.266	42.791.353.616
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		169.513.616	4.299.534.590
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		128.957.709.650	38.491.819.026
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		908.628.552.473	881.478.874.247

Quảng Nam, ngày 09 tháng 04 năm 2021

Người lập biểu



Nguyễn Thị Bé

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Linh Thương



Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Bích Thùy

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 02 – DN/HN
 Ban hành theo Thông tư
 số 200/2014/TT - BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	22	1.122.789.577.698	1.078.602.732.520
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	13.376.176.317	9.778.339.992
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		1.109.413.401.381	1.068.824.392.528
4. Giá vốn hàng bán	11	24	1.061.855.515.726	967.782.749.158
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		47.557.885.655	101.041.643.370
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	145.609.272.672	830.969.361
7. Chi phí tài chính	22	26	15.425.699.203	15.294.599.570
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	14.720.357.741	20.197.658.338
8. Chi phí bán hàng	25	27a	20.291.178.701	37.696.086.340
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27b	6.795.733.527	7.116.341.074
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		150.654.546.896	41.765.585.747
11. Thu nhập khác	31	28	8.894.391.931	7.722.366.877
12. Chi phí khác	32	29	403.148.197	655.735.954
13. Lợi nhuận khác	40		8.491.243.734	7.066.630.923
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		159.145.790.630	48.832.216.670
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	30.188.080.980	10.340.397.644
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		128.957.709.650	38.491.819.026

Quảng Nam, ngày 09 tháng 04 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



(Handwritten signature)

(Handwritten signature)

(Handwritten signature)

Nguyễn Thị Bé

Nguyễn Thị Linh Thương

Nguyễn Thị Bích Thùy

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 03 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư

số 200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

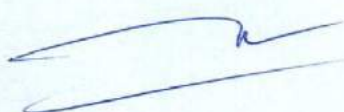
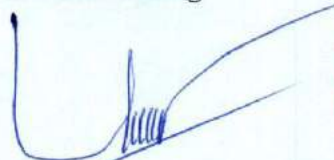
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		159.145.790.630	48.832.216.670
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	11,12,13	3.947.821.717	6.537.404.080
- Các khoản dự phòng	03		697.094.499	(4.921.970.389)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	25,28	(138.999.544.752)	(637.593.475)
- Chi phí lãi vay	06	26	14.720.357.741	20.197.658.338
3. LN từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động	08		39.511.519.835	70.007.715.224
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(88.498.499.793)	(34.038.338.119)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		18.078.692.458	(13.555.839.059)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể trả lãi vay, thuế thu nhập phải nộp)	11		76.126.708.831	(303.318.167)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		117.178.719.981	5.510.528.602
- Tiền lãi vay đã trả	14	26	(14.720.357.741)	(20.197.658.338)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	18	(28.678.399.235)	(15.590.178.001)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(900.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		118.098.384.336	(8.167.087.858)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	11,12,13	(157.000.000)	(7.222.660.214)
2. Tiền thu từ TLÝ, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	26	561.037.973	90.909.091
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		-	8.000.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(374.210.198.362)	-
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		426.905.375.000	3.100.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	25	8.630.220.497	546.684.384
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		61.729.435.108	4.514.933.261
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	20	779.970.000.000	936.640.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	20	(958.514.422.000)	(921.603.212.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(178.544.422.000)	15.036.788.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		1.283.397.444	11.384.633.403
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	6	28.208.362.044	16.823.728.641
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	6	29.491.759.488	28.208.362.044

Quảng Nam, ngày 09 tháng 04 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Nguyễn Thị Bé

Nguyễn Thị Linh Thương

Nguyễn Thị Bích Thùy

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***4.21 Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Điều chỉnh hồi tố

Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 của Chính phủ tăng tỷ lệ khống chế chi phí lãi vay được trừ đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết từ 20% lên thành 30% của EBITDA và cho phép doanh nghiệp điều chỉnh số thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2019 và kê khai bổ sung quyết toán thuế TNDN. Theo đó, Công ty đã xác định lại chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành của năm 2019 và điều chỉnh hồi tố như sau:

Bảng cân đối kế toán	Mã số	Số liệu tại ngày 31/12/2019	Số liệu tại ngày 01/01/2020 (Đã hồi tố)	Chênh lệch
1. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	6.296.523.440	5.018.751.619	(1.277.771.821)
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	41.513.581.795	42.791.353.616	1.277.771.821

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Mã số	Năm 2019	Năm 2019 (Đã hồi tố)	Chênh lệch
1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	11.618.169.465	10.340.397.644	(1.277.771.821)
2. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	37.214.047.205	38.491.819.026	1.277.771.821

Chi phí lãi vay không được trừ của năm 2019 giảm từ 6.388.859.105 đồng xuống còn 0 đồng. Theo đó, chi phí thuế TNDN hiện hành, Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước cùng giảm 1.277.771.821 đồng. Lợi nhuận sau thuế TNDN và Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cùng tăng lên 1.277.771.821 đồng.

6. Tiền

	31/12/2020	01/01/2020
Tiền mặt	570.708.144	5.533.978.100
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	28.921.051.344	22.674.383.944
Cộng	29.491.759.488	28.208.362.044

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2020	01/01/2020
Công ty TNHH MTV Bán lẻ Gas Miền Trung	48.738.571.918	37.888.988.918
Công ty Cổ phần Gas Miền Trung	194.012.858.410	2.284.259.088
Công ty CP Dầu khí V - Gas	5.049.535.160	18.142.616.274
Các đối tượng khác	2.509.688.943	45.155.348.772
Cộng	<u>250.310.654.431</u>	<u>103.471.213.052</u>

Trong đó: Phải thu khách hàng là bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2020	01/01/2020
Công ty CP Gas Miền Trung	Công ty con	194.012.858.410	2.284.259.088
Công ty TNHH MTV Bán lẻ Gas Miền Trung	Công ty con	48.738.571.918	37.888.988.918
Công ty Cổ phần Dầu khí V-Gas	Công ty con	5.049.535.160	18.142.616.274
Cộng		<u>247.800.965.488</u>	<u>58.315.864.280</u>

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Trung tâm Phát triển Quỹ đất thị xã Hương Thủy	426.301.000	426.301.000
Công ty CP Đầu tư Sản xuất và Cho thuê thiết bị	2.660.835.209	2.332.877.209
Các đối tượng khác	171.963.575	78.580.000
Cộng	<u>3.259.099.784</u>	<u>2.837.758.209</u>

9. Phải thu khác**a. Ngắn hạn**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	-	-	713.699.000	-
Phải thu khác	39.673.603	-	167	-
Cộng	<u>39.673.603</u>	<u>-</u>	<u>713.699.167</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***b. Dài hạn**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	8.641.159.192	-	9.731.122.525	-
Cộng	8.641.159.192	-	9.731.122.525	-

10. Hàng tồn kho

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	842.835.697	-	520.242.652	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	1.317.899.701	-
Hàng hóa	809.569.888	-	17.892.955.690	-
Cộng	1.652.405.585	-	19.731.098.043	-

- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp đảm bảo các khoản nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2020.
- Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất tại 31/12/2020.

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	23.737.991.708	92.203.057.587	6.490.250.712	498.731.571	42.455.000	122.972.486.578
Phân loại lại	-	305.220.117	(18.636.000)	(286.584.117)	-	-
Mua sắm trong năm	-	157.000.000	-	-	-	157.000.000
Thanh lý nhượng bán	9.074.366.868	78.862.093.053	5.759.763.636	-	-	93.696.223.557
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	14.663.624.840	13.803.184.651	711.851.076	212.147.454	42.455.000	29.433.263.021
Khấu hao						
Số đầu năm	5.656.758.491	18.206.256.806	3.029.376.787	375.806.976	33.492.264	27.301.691.324
Phân loại lại	-	(233.989.506)	18.636.000	215.353.506	-	-
Khấu hao trong năm	1.050.267.701	2.528.688.105	298.614.324	18.659.004	2.830.331	3.899.059.465
Thanh lý, nhượng bán	1.735.546.520	10.151.269.317	2.624.954.983	-	-	14.511.770.820
Số cuối năm	4.971.479.672	10.817.665.100	684.400.128	179.112.474	36.322.595	16.688.979.969
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	18.081.233.217	73.996.800.781	3.460.873.925	122.924.595	8.962.736	95.670.795.254
Số cuối năm	9.692.145.168	2.985.519.551	27.450.948	33.034.980	6.132.405	12.744.283.052

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2020 là 5.362.326.850 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 3.427.577.952 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình chờ thanh lý.
- Không có cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai.

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình tại ngày 31/12/2020 là nhãn hiệu hàng hóa (PM Gas) đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 1.818.181.818 đồng. Hiện nay, Công ty đang làm các thủ tục cần thiết để chuyển giao quyền sở hữu đối với nhãn hiệu này qua Công ty CP Gas Miền Trung.

13. Bất động sản đầu tư

	Nhà (*)	Quyền sử dụng đất (*)	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	5.126.477.273	89.200.704.545	94.327.181.818
Phân loại lại	(4.151.232.233)	4.151.232.233	-
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	975.245.040	93.351.936.778	94.327.181.818
Khấu hao			
Số đầu năm	-	-	-
Khấu hao trong năm	48.762.252	-	48.762.252
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối năm	48.762.252	-	48.762.252
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	5.126.477.273	89.200.704.545	94.327.181.818
Số cuối năm	926.482.788	93.351.936.778	94.278.419.566

(*) Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất lâu dài và nhà ở tại 68-74-76 Lê Duẩn, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng. Tại ngày 31/12/2020, tài sản này đang được cho thuê dài hạn và được Công ty dùng để cầm cố, thế chấp đảm bảo nợ vay ngân hàng.

14. Chi phí trả trước**a. Ngắn hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
Chi phí bảo hiểm tài sản	9.924.173	58.912.426
Các khoản khác	50.701.079	352.338.307
Cộng	60.625.252	411.250.733

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***b. Dài hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	682.707.797	832.594.560
Chi phí thuê đất Khu công nghiệp (*)	954.943.050	1.101.857.370
Các khoản khác	-	116.531.293.417
Cộng	<u>1.637.650.847</u>	<u>118.465.745.347</u>

(*) Tiền thuê đất trả trước tại Khu công nghiệp Điện Nam – Điện Ngọc trong 10 năm, tính đến ngày 30/06/2027, diện tích đất thuê: 11.556 m².

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Đầu tư vào công ty con

Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	TL quyền BQ	Số lượng cổ phiếu	31/12/2020		01/01/2020		
				Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
- Công ty CP Dầu khí V-Gas	Đang hoạt động	51,00%	51,00%	11.475.000	310.424.781.250	-	255.000.000.000	-
- Công ty TNHH Trung Nam	Đang hoạt động	65,00%	65,00%	-	9.750.000.000	(697.094.499)	9.750.000.000	-
- Công ty Cổ phần Gas Miền Trung	Đang hoạt động	51,00%	51,00%	16.690.909	186.881.198.362	-	142.000.000.000	-
Cộng					507.055.979.612	(697.094.499)	406.750.000.000	-

Tại thời điểm 31/12/2020, các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, giá trị dự phòng các khoản đầu tư được trích lập dựa trên Báo cáo tài chính sau kiểm toán của các Công ty con. Công ty cũng không có nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy để xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Công ty Cổ phần Gas Miền Trung	58.586.582.908	62.857.021.695
Chi nhánh Tổng công ty kinh doanh khí Việt Nam - Công ty TNHH MTV Kinh doanh Sản Phẩm Khí	105.420.772.812	14.561.340.730
Công ty CP Kinh doanh LPG Việt Nam - Chi nhánh Miền Nam	28.016.649.619	-
Công ty TNHH Gas Phoenix (Việt Nam)	4.822.887.504	14.206.909
Các đối tượng khác	4.543.204.328	21.690.448.899
Cộng	201.390.097.171	99.123.018.233

Trong đó: Phải trả người bán là bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2020	01/01/2020
Công ty Cổ phần Gas Miền Trung	Công ty con	58.586.582.908	62.857.021.695
Công ty Cổ phần Dầu khí V-Gas	Công ty con	-	2.340.611.079
Cộng		58.586.582.908	65.197.632.774

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Công ty CP Dầu khí V-gas (Bên liên quan)	6.226.753.230	-
KNHC Engineering Co.,Ltd	30.093.344	2.613.233.663
Các đối tượng khác	807.412.854	23.930.585.494
Cộng	7.064.259.428	26.543.819.157

18. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	118.124.205	20.825.262.378	20.121.322.719	-	822.063.864
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	4.900.627.414	30.188.080.980	28.678.399.235	-	6.410.309.159
Thuế thu nhập cá nhân	82.033.889	-	127.476.378	4.154.580	73.779.889	115.067.798
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	26.394.993	26.394.993	-	-
Các loại thuế khác	-	-	6.839.170	6.839.170	-	-
Cộng	82.033.889	5.018.751.619	51.174.053.899	48.837.110.697	73.779.889	7.347.440.821

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. Phải trả khác**a. Ngắn hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
Phải trả về thù lao HĐQT, BKS	-	600.000.000
Phải trả khác	965.000	-
Cộng	965.000	600.000.000

b. Dài hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	44.956.786.787	51.960.200.171
Cộng	44.956.786.787	51.960.200.171

20. Vay và nợ thuê tài chính**a. Ngắn hạn**

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay ngắn hạn	215.200.000.000	779.970.000.000	940.470.000.000	54.700.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam	35.900.000.000	233.900.000.000	264.200.000.000	5.600.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hội An	159.300.000.000	513.390.000.000	623.590.000.000	49.100.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	20.000.000.000	32.680.000.000	52.680.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả	7.993.212.000	3.996.606.000	11.989.818.000	-
- Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Quảng Nam	7.993.212.000	3.996.606.000	11.989.818.000	-
Cộng	223.193.212.000	783.966.606.000	952.459.818.000	54.700.000.000

b. Dài hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay dài hạn	18.044.422.000	-	18.044.422.000	-
- Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Quảng Nam (*)	18.044.422.000	-	18.044.422.000	-
Cộng	18.044.422.000	-	18.044.422.000	-
Trong đó:				
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	7.993.212.000			-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	10.051.210.000			-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

(*) Vay Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Quảng Nam theo hợp đồng tín dụng theo hạn mức số TAK.DN.552.220317 ngày 28/03/2017. Hạn mức cho vay là 40.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn hỗ trợ tài chính. Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày kế tiếp ngày nhận tiền vay. Lãi suất cho vay: Được quy định trong từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng xe đầu kéo, xe tải các loại, vỏ bình gas và tài sản của bên thứ ba là bất động sản tại 139 Triệu Nữ Vương, Phường Hải Châu 2, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng của ông Nguyễn Tiến Lãng và Nguyễn Thị Bích Thùy theo hợp đồng thế chấp số TAK.BDDN.79.080217.

21. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2019	379.498.470.000	47.042.004.590	426.540.474.590
Tăng trong năm	41.742.470.000	38.491.819.026	80.234.289.026
Giảm trong năm	-	42.742.470.000	42.742.470.000
Số dư tại 31/12/2019	421.240.940.000	42.791.353.616	464.032.293.616
Số dư tại 01/01/2020	421.240.940.000	42.791.353.616	464.032.293.616
Tăng trong năm	42.121.840.000	128.957.709.650	171.079.549.650
Giảm trong năm	-	42.621.840.000	42.621.840.000
Số dư tại 31/12/2020	463.362.780.000	129.127.223.266	592.490.003.266

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020	Năm 2019
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	421.240.940.000	379.498.470.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	42.121.840.000	41.742.470.000
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	463.362.780.000	421.240.940.000
Cổ tức đã chia (bằng cổ phiếu)	42.121.840.000	41.742.470.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2020 Cổ phiếu	01/01/2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	46.336.278	42.124.094
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	46.336.278	42.124.094
- Cổ phiếu phổ thông	46.336.278	42.124.094
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	46.336.278	42.124.094
- Cổ phiếu phổ thông	46.336.278	42.124.094
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	42.791.353.616	47.042.004.590
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	128.957.709.650	38.491.819.026
Phân phối lợi nhuận	42.621.840.000	42.742.470.000
- Phân phối lợi nhuận kỳ trước (*)	42.621.840.000	42.742.470.000
+ Trích thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	300.000.000	600.000.000
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	200.000.000	400.000.000
+ Trả cổ tức bằng cổ phiếu	42.121.840.000	41.742.470.000
- Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	129.127.223.266	42.791.353.616

(*) Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019 và các năm trước theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2020/NQ-ĐHCD ngày 29/04/2020.

e. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 29/04/2020 đã quyết định chia cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2019 và các năm trước với tỷ lệ 10%. Theo đó, Công ty đã chốt danh sách cổ đông hưởng quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu nêu trên vào ngày 18/08/2020.

22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2020	Năm 2019
Doanh thu bán hàng hóa	986.654.920.359	1.054.814.164.840
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.633.882.959	2.988.722.680
Doanh thu khác (vỏ bình gas, van qua sử dụng)	134.500.774.380	20.799.845.000
Cộng	1.122.789.577.698	1.078.602.732.520

23. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2020	Năm 2019
Chiết khấu thương mại	13.225.943.489	9.591.335.447
Giảm giá hàng bán	150.232.828	187.004.545
Cộng	13.376.176.317	9.778.339.992

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***24. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2020	Năm 2019
Giá vốn của hàng hóa đã bán	931.722.823.896	952.260.502.442
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.056.046.920	1.480.610.911
Giá vốn của hoạt động khác (vỏ bình gas, van qua sử dụng)	129.076.644.910	14.041.635.805
Cộng	1.061.855.515.726	967.782.749.158

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020	Năm 2019
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	21.686.568	546.684.384
Cổ tức, lợi nhuận được chia	8.608.533.929	-
Lãi chuyển nhượng các khoản đầu tư	129.101.156.250	-
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	63.984.967	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	7.813.910.958	284.284.977
Cộng	145.609.272.672	830.969.361

26. Chi phí tài chính

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí lãi vay	14.720.357.741	20.197.658.338
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	416.640	18.911.621
(Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác	697.094.499	(4.921.970.389)
Chi phí tài chính khác	7.830.323	-
Cộng	15.425.699.203	15.294.599.570

27. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**a. Chi phí bán hàng**

	Năm 2020	Năm 2019
Tiền lương nhân viên bán hàng	1.761.160.250	3.105.013.962
Chi phí sử dụng vỏ bình, thương hiệu	7.403.626.177	17.275.377.522
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.803.097.675	5.481.874.787
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.974.688.804	7.260.407.069
Các khoản khác	3.348.605.795	4.573.413.000
Cộng	20.291.178.701	37.696.086.340

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***b. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ	-	46.639.276
Chi phí tiền lương nhân viên quản lý	3.407.854.350	3.998.671.673
Chi phí khấu hao tài sản cố định	634.990.404	703.606.615
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.215.043.994	1.531.259.892
Các khoản khác	1.537.844.779	836.163.618
Cộng	6.795.733.527	7.116.341.074

28. Thu nhập khác

	Năm 2020	Năm 2019
Phân bổ tiền nhận ký cược vỏ bình gas	7.511.508.132	7.151.107.136
Lãi bán thanh lý tài sản cố định	1.268.168.005	85.858.550
Các khoản khác	114.715.794	485.401.191
Cộng	8.894.391.931	7.722.366.877

29. Chi phí khác

	Năm 2020	Năm 2019
Tiền đặt cược vỏ bình gas không được hoàn	265.064.096	360.091.789
Các khoản khác	138.084.101	295.644.165
Cộng	403.148.197	655.735.954

30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2020	Năm 2019
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	159.145.790.630	48.832.216.670
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(8.205.385.732)	670.920.398
- Điều chỉnh tăng (Chi phí không được trừ)	403.148.197	670.920.398
- Điều chỉnh giảm (Cổ tức, lợi nhuận được chia)	8.608.533.929	-
Tổng thu nhập chịu thuế	150.940.404.898	49.503.137.068
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30.188.080.980	10.340.397.644
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	30.188.080.980	9.900.627.414
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	439.770.230

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***31. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.204.159.960	2.551.872.747
Chi phí nhân công	7.690.421.100	8.962.505.635
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.947.821.717	6.537.404.080
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.152.158.975	39.184.405.316
Chi phí khác bằng tiền	5.248.632.865	5.588.003.634
Cộng	48.243.194.617	62.824.191.412

32. Quản lý rủi ro**a. Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro về tỷ giá, rủi ro về lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức kiểm soát được.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của hàng hóa đầu vào. Hàng hóa chiếm tỷ trọng cao trong tổng giá vốn hàng bán nên Công ty đặc biệt chú ý đến rủi ro về biến động giá hàng hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty lựa chọn những nhà cung cấp uy tín, quan hệ kinh doanh lâu năm và luôn yêu cầu được cung cấp những biến động về giá kịp thời nhất. Công ty còn tham khảo giá giữa các nhà cung cấp khác nhau để đảm bảo mua hàng với mức giá hợp lý nhất. Với chính sách quản lý về giá trên, Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động về giá ngoài dự tính của Công ty ở mức kiểm soát được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***Quản lý rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Thông thường, Chính sách bán hàng của Công ty là sau khi ký kết hợp đồng khách hàng phải ứng trước giá trị hợp đồng. Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên theo dõi tình hình thu hồi nợ và tiến độ thu tiền nhằm giảm thiểu rủi ro do không thu hồi được. Do đó, Ban Tổng Giám đốc của Công ty cho rằng rủi ro tín dụng với các khách hàng hoặc đối tác của Công ty ở mức kiểm soát được.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	201.390.097.171	-	201.390.097.171
Chi phí phải trả	79.000.000	-	79.000.000
Vay và nợ thuê tài chính	54.700.000.000	-	54.700.000.000
Phải trả khác	965.000	44.956.786.787	44.957.751.787
Cộng	256.170.062.171	44.956.786.787	301.126.848.958
01/01/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	99.123.018.233	-	99.123.018.233
Chi phí phải trả	556.369.451	-	556.369.451
Vay và nợ thuê tài chính	223.193.212.000	10.051.210.000	233.244.422.000
Phải trả khác	600.000.000	51.960.200.171	52.560.200.171
Cộng	323.472.599.684	62.011.410.171	385.484.009.855

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hiện không có rủi ro thanh khoản trong ngắn hạn và tin tưởng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.491.759.488	-	29.491.759.488
Phải thu khách hàng	250.310.654.431	-	250.310.654.431
Phải thu khác	39.673.603	8.641.159.192	8.680.832.795
Cộng	279.842.087.522	8.641.159.192	288.483.246.714
01/01/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.208.362.044	-	28.208.362.044
Phải thu khách hàng	103.471.213.052	-	103.471.213.052
Phải thu khác	713.699.167	9.731.122.525	10.444.821.692
Cộng	132.393.274.263	9.731.122.525	142.124.396.788

33. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng việc ra các quyết định quan trọng phụ thuộc chủ yếu vào việc cung cấp sản phẩm theo khu vực địa lý. Do đó, Công ty trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Lô số 04, KCN Điện Nam – Điện Ngọc, Phường Điện Nam Bắc,

Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đơn vị tính: VND

BC bộ phận theo khu vực địa lý	Quảng Nam		Quảng Trị		Thừa Thiên Huế		Bình Định		Tổng cộng toàn Công ty	
	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019
Doanh thu bộ phận	975.853.050.801	846.597.086.627	40.348.696.701	66.648.340.698	79.916.907.085	122.651.949.072	26.670.923.111	42.705.356.123	1.122.789.577.698	1.078.602.732.520
Các khoản giảm trừ doanh thu	4.472.031.810	-	1.234.077.274	-	7.618.418.369	9.591.335.447	51.648.864	187.004.545	13.376.176.317	9.778.339.992
Chi phí bộ phận	951.362.688.898	797.899.716.741	38.502.018.813	61.574.951.063	72.644.885.995	112.315.564.349	26.432.834.248	40.804.944.419	1.088.942.427.954	1.012.595.176.572
<i>Giá vốn</i>	<i>928.793.792.967</i>	<i>761.075.990.002</i>	<i>37.121.473.501</i>	<i>59.254.819.585</i>	<i>70.091.993.597</i>	<i>107.590.285.190</i>	<i>25.848.255.661</i>	<i>39.861.654.381</i>	<i>1.061.855.515.726</i>	<i>967.782.749.158</i>
CPBH	17.171.536.353	31.555.352.266	916.612.905	1.619.779.743	1.899.357.961	4.070.127.826	303.671.482	450.826.505	20.291.178.701	37.696.086.340
CPQL	5.397.359.578	5.268.374.473	463.932.407	700.351.735	653.534.437	655.151.333	280.907.105	492.463.533	6.795.733.527	7.116.341.074
Lãi/(lỗ) từ h.động kinh doanh	20.018.330.093	48.697.369.886	612.600.614	5.073.389.635	(346.397.279)	745.049.276	186.439.999	1.713.407.159	20.470.973.427	56.229.215.956
Doanh thu hoạt động tài chính	145.607.605.655	829.199.683	497.283	419.492	852.191	1.175.621	317.543	174.565	145.609.272.672	830.969.361
Chi phí hoạt động tài chính	15.425.699.203	15.294.599.570	-	-	-	-	-	-	15.425.699.203	15.294.599.570
- Chi phí lãi vay	14.720.357.741	20.197.658.338	-	-	-	-	-	-	14.720.357.741	20.197.658.338
- Chi phí tài chính khác	705.341.462	(4.903.058.768)	-	-	-	-	-	-	705.341.462	(4.903.058.768)
Lãi/(lỗ) từ hoạt động tài chính	130.181.906.452	(14.465.399.887)	497.283	419.492	852.191	1.175.621	317.543	174.565	130.183.573.469	(14.463.630.209)
Thu nhập khác	8.894.391.931	7.722.366.877	-	-	-	-	-	-	8.894.391.931	7.722.366.877
Chi phí khác	141.553.451	435.291.069	96.833.834	97.260.563	92.360.008	76.966.674	72.400.904	46.217.648	403.148.197	655.735.954
Lãi/(lỗ) từ hoạt động khác	8.752.838.480	7.287.075.808	(96.833.834)	(97.260.563)	(92.360.008)	(76.966.674)	(72.400.904)	(46.217.648)	8.491.243.734	7.066.630.923
Lợi nhuận trước thuế	158.953.075.025	41.519.045.807	516.264.063	4.976.548.564	(437.905.096)	669.258.223	114.356.638	1.667.364.076	159.145.790.630	48.832.216.670
Thuế TNDN	29.726.101.688	8.830.637.606	161.934.207	1.014.761.825	216.005.600	149.244.979	84.039.485	345.753.234	30.188.080.980	10.340.397.644
Lợi nhuận sau thuế TNDN	129.226.973.337	32.688.408.201	354.329.856	3.961.786.739	(653.910.696)	520.013.244	30.317.153	1.321.610.842	128.957.709.650	38.491.819.026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***34. Thông tin về các bên liên quan****a. Bên liên quan**

	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Dầu khí V-Gas	Công ty con
Công ty Cổ phần Gas Miền Trung	Công ty con
Công ty TNHH Trung Nam	Công ty con
Công ty TNHH MTV Bán lẻ Gas Miền Trung	Công ty con
Công ty TNHH MTV Gas Quảng Trị	Công ty con
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Em trai ông Nguyễn Tiến Lãng

b. Giao dịch trọng yếu phát sinh với bên liên quan trong kỳ

	Giao dịch	Năm 2020	Năm 2019
Công ty Cổ phần Dầu khí V-Gas	Mua hàng	1.815.090.289	173.130.899
	Bán hàng	378.841.168.367	364.865.513.101
	Nhận cổ tức	8.608.533.929	-
Công ty TNHH MTV Bán lẻ Gas Miền Trung	Bán hàng	20.045.075.452	64.780.792.733
	Phải thu lãi chậm thanh toán	-	284.132.764
Công ty Cổ phần Gas Miền Trung	Mua hàng	292.334.230.186	728.684.277.312
	Bán hàng	473.401.799.607	31.213.583.774
	Phải thu lãi chậm thanh toán	7.722.277.508	-
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Mua cổ phần	14.014.000.000	-
Công ty TNHH MTV Gas Quảng Trị	Bán hàng	561.037.973	-
Công ty TNHH Trung Nam	Thuê xe	218.181.818	-

c. Thủ lao Hội đồng quản trị

		Năm 2020	Năm 2019
Ông Nguyễn Tiến Lãng	Chủ tịch HĐQT	432.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Thành viên HĐQT	144.000.000	-
Bà Hàn Kiều Minh Phương	Thành viên HĐQT	144.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***d. Thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt**

		Năm 2020	Năm 2019
Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Tổng Giám đốc	496.500.000	400.000.000
Bà Võ Thị Ánh Nguyệt	Phó Tổng Giám đốc	242.000.000	-
Bà Hoàng Thị Châu Anh	Phó Tổng Giám đốc	-	312.000.000
Bà Phạm Thị Hà	Phó Tổng Giám đốc	141.400.000	100.000.000
Bà Nguyễn Thị Linh Thường	Kế toán trưởng	385.200.000	186.000.000

35. Sự kiện đặc biệt phát sinh trong năm

Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 28/06/2020 của Công ty đã thông qua tờ trình về việc tái cấu trúc hoạt động kinh doanh và cơ cấu lại tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Gas Miền Trung (“MTG”) và Công ty Cổ phần Dầu khí V-Gas (“V-Gas”) với phương án cụ thể như sau:

- ✓ Tiến hành tái cấu trúc hoạt động kinh doanh của Công ty bằng việc chuyển nhượng hoạt động kinh doanh LPG bình và các trạm chiết nạp phục vụ chiết nạp LPG bình cho MTG (Công ty con).
- ✓ Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn nhà đầu tư chiến lược (đáp ứng tốt nhất các tiêu chí về năng lực tài chính, quản trị doanh nghiệp, chuyển giao công nghệ mới, cung ứng vật liệu, phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm và gắn bó lợi ích lâu dài với doanh nghiệp) và tiến hành đàm phán, chuyển nhượng và/ hoặc nhận chuyển nhượng cổ phần từ các cổ đông hiện hữu của MTG và V-Gas hoặc các hình thức khác để Công ty đảm bảo duy trì tỷ lệ sở hữu liên tục tại 2 Công ty con này tối thiểu là 51%.

Theo đó, Công ty đã lựa chọn được nhà đầu tư chiến lược là Tập đoàn Tokai và thực hiện cơ cấu lại tỷ lệ sở hữu vốn như sau:

- Công ty Cổ phần Gas Miền Trung (“MTG”) đã phát hành 14.727.273 cổ phần cho Tập đoàn Tokai. Bên cạnh đó, nhằm đảm bảo duy trì tỷ lệ sở hữu chi phối tại MTG, Công ty đã đàm phán để mua lại 2.490.909 cổ phần MTG từ các cổ đông khác. Tại thời điểm 31/12/2020, cơ cấu vốn chủ sở hữu của MTG như sau:

- ✓ Công ty sở hữu 51%;
- ✓ Tập đoàn Tokai sở hữu 45%;
- ✓ Cổ đông khác sở hữu 4%;

- Ngày 25/05/2020, Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng 10.125.000 cổ phần của V-Gas cho Tập đoàn Tokai. Việc chuyển nhượng cổ phần giữa 02 bên đã được V-gas xác nhận hoàn thành.

Để đảm bảo duy trì tỷ lệ sở hữu chi phối của Công ty tại V-Gas, trước khi chuyển nhượng cổ phần V-Gas cho Tập đoàn Tokai, Công ty đã đàm phán mua lại 2.350.000 cổ phần V-Gas từ các cổ đông hiện hữu. Tại thời điểm 31/12/2020, cơ cấu vốn chủ sở hữu của V-gas như sau:

- ✓ Công ty sở hữu 51%;
- ✓ Tập đoàn Tokai sở hữu 45%;
- ✓ Cổ đông khác sở hữu 4%

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng: giao dịch mua cổ phần V-Gas được Công ty thực hiện trước khi bán cổ phần V-Gas cho Tập đoàn Tokai. Mặc dù, giá mua cổ phần MTG và V-Gas cao hơn giá trị sổ sách của 2 Công ty nhưng để đảm bảo mục tiêu tiên quyết mà Đại hội cổ đông đã giao phó (duy trì tỷ lệ sở hữu của Công ty tại GMT và V-Gas tối thiểu là 51%) nên Công ty vẫn chấp nhận mua

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

vào. Ban Tổng Giám đốc cho rằng giá mua trên là hoàn toàn phù hợp với hoàn cảnh thực tế.

- Thực hiện việc tái cấu trúc hoạt động kinh doanh: Công ty, Tập đoàn Tokai và các Công ty liên quan đã ký các hợp đồng đăng ký mua cổ phần MTG và hợp đồng chuyển nhượng cổ phần V-gas. Theo đó, thỏa thuận mua cổ phần của Tập đoàn Tokai tại 2 công ty con cũng như việc hoàn thành thỏa thuận phụ thuộc vào việc đáp ứng các điều kiện tiên quyết được nêu rõ trong các hợp đồng. Một trong các điều kiện được các bên đã nhất trí là Công ty hoàn tất chuyển nhượng kinh doanh hoạt động khí dầu mỏ hóa lỏng cho MTG. Trong trường hợp Công ty không hoàn tất chuyển nhượng kinh doanh toàn bộ trước ngày 31/12/2020 thì Công ty có nghĩa vụ mua lại cổ phần đã bán cho Tập đoàn Tokai tại 02 Công ty con với giá đã phát hành/chuyển nhượng trừ khi Tokai đồng ý từ bỏ nghĩa vụ đó của Công ty. Trong trường hợp hoàn tất chuyển nhượng kinh doanh bị trì hoãn do các thủ tục hành chính hoặc sự kiện bất khả kháng xảy ra một cách khách quan không thể thấy trước và khắc phục bằng mọi phương án khả thi, cần thiết và được chấp nhận, các bên sẽ thảo luận một cách thiện chí và đồng ý gia hạn ngày nêu trên sang một ngày khác hợp lý.

Ngày 21/10/2020, Công ty và Tokai đã có thư xác nhận các điều kiện tiên quyết (hoàn tất lần 2); Theo đó, hai bên thống nhất các điều kiện tiên quyết về chuyển nhượng kinh doanh chưa hoàn thành phải được hoàn thành hoàn toàn trước ngày 31/12/2020. Cho đến thời điểm hiện nay, Công ty và Tokai chưa có văn bản nào khác xác định mức độ hoàn thành các điều kiện tiên quyết đã thỏa thuận hoặc gia hạn thời gian hoàn tất.

36. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

37. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi AAC. Một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh hồi tố như trình bày tại Thuyết minh số 5.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Bé

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Linh Thường

Quảng Nam, ngày 09 tháng 04 năm 2021



Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Bích Thùy



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính hợp nhất	
• Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4000462724 ngày 09/05/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 20 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 25/09/2020.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) theo Quyết định số 491/QĐ-SGDHCM ngày 27/12/2017 với mã chứng khoán là PMG.

Vốn điều lệ: 463.362.780.000 đồng.

Vốn thực góp đến ngày 31/12/2020: 463.362.780.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Lô số 04, KCN Điện Nam – Điện Ngọc, Phường Điện Nam Bắc, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam.
- Điện thoại: (84) 02353 947 233
- Fax: (84) 02353 947 244
- Website: <http://petrocenter.com.vn/>

Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: kinh doanh, xuất nhập khẩu khí đốt hóa lỏng LPG (bao gồm bán LPG cho xe bồn, xe ô tô, xe máy, LPG chai lớn và chai nhỏ), CNG, xăng, dầu, dầu nhờn, chi tiết nạp gas chai lớn, chai mini, xe ô tô và xe bồn. Kinh doanh vỏ bình gas, bếp gas và các phụ kiện liên quan;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Chế biến bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn đồ uống chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 29 người. Trong đó, bộ phận quản lý là 3 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|---------------------------|------------|--|
| • Ông Nguyễn Tiến Lãng | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 01/11/2017 |
| • Bà Nguyễn Thị Bích Thùy | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 01/11/2017 |
| • Ông Lê Tấn Cần | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 29/04/2020 |
| • Bà Hàn Kiều Minh Phương | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 01/11/2017
Miễn nhiệm ngày 29/04/2020 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|---------------------------|------------|--|
| • Bà Nguyễn Thị Hồng Bích | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 15/05/2020 |
| • Bà Ngô Thị Hường | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 27/07/2019
Miễn nhiệm ngày 29/04/2020 |
| • Bà Lê Thị Hồng Trang | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 01/11/2017 |
| • Bà Trần Thị Quyên | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 01/11/2017 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|-----------------------------|-------------------|--|
| • Bà Nguyễn Thị Bích Thùy | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 20/10/2010 |
| • Bà Võ Thị Ánh Nguyệt | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 30/11/2016 |
| • Bà Phạm Thị Hà | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 27/11/2019
Miễn nhiệm ngày 18/06/2020 |
| • Bà Nguyễn Thị Linh Thường | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 01/01/2008 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Bích Thùy

Quảng Nam, ngày 09 tháng 04 năm 2021



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 639/2021/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất lập ngày 09/04/2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Trần Thị Thu Hiền – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0753-2018-010-1

Đà Nẵng, ngày 09 tháng 04 năm 2021

Nguyễn Văn Thiện – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3108-2020-010-1

■ Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh:

47 - 49 Hoàng Sa (Tầng 4, Tòa nhà Hoàng Đan), Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Tel: +84 (28) 3910 2235; Fax: +84 (28) 3910 2349

■ Chi nhánh tại Hà Nội:

Số 09 phố Duy Tân, (Tầng 6, Tòa nhà Việt Á), Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: +84 (24) 3224 2403; Fax: +84 (24) 3224 2402

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 01-DN/HN

Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		359.840.852.653	415.406.202.210
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		84.051.907.860	47.033.461.532
1. Tiền	111	6	84.051.907.860	47.033.461.532
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		198.642.630.567	307.971.590.419
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	175.169.014.124	251.687.303.127
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	7.503.939.927	47.206.282.129
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	4.536.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10.a	13.106.662.788	10.750.991.435
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(1.672.986.272)	(1.672.986.272)
IV. Hàng tồn kho	140		25.578.514.868	30.052.374.596
1. Hàng tồn kho	141	12	25.578.514.868	30.052.374.596
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		51.567.799.358	30.348.775.663
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13.a	1.816.244.479	2.005.229.347
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		47.344.960.598	28.259.062.122
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	22	2.406.594.281	84.484.194
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.128.800.716.151	1.067.529.875.700
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		29.595.200.000	18.696.723.751
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	5.101.523.751
2. Phải thu dài hạn khác	216	10.b	29.595.200.000	13.595.200.000
II. Tài sản cố định	220		554.478.555.416	591.062.763.019
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	554.478.555.416	591.062.763.019
- Nguyên giá	222		715.935.758.123	706.779.338.823
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(161.457.202.707)	(115.716.575.804)
2. Tài sản cố định vô hình	227	15	-	-
- Nguyên giá	228		4.636.363.636	4.636.363.636
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.636.363.636)	(4.636.363.636)
III. Bất động sản đầu tư	230	16	94.278.419.566	94.327.181.818
- Nguyên giá	231		94.327.181.818	94.327.181.818
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(48.762.252)	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.190.909.091	142.098.438
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	17	2.190.909.091	142.098.438
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		448.257.632.078	363.301.108.674
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13.b	442.867.437.628	355.265.122.080
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	18	1.973.807.056	654.246.845
3. Lợi thế thương mại	269	19	3.416.387.394	7.381.739.749
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.488.641.568.804	1.482.936.077.910

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

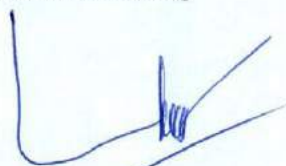
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		699.067.263.065	917.614.814.496
I. Nợ ngắn hạn	310		574.896.808.185	721.988.155.586
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	154.576.800.441	118.387.474.589
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	21	6.631.510.347	28.018.398.306
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	22	9.147.401.942	13.540.123.521
4. Phải trả người lao động	314		1.436.415.298	1.628.647.393
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	23	995.795.779	3.353.908.893
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	24.a	93.468.866	914.803.212
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	25.a	401.400.000.000	555.729.384.160
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		615.415.512	415.415.512
II. Nợ dài hạn	330		124.170.454.880	195.626.658.910
1. Phải trả dài hạn khác	337	24.b	100.800.171.278	101.328.700.270
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	25.b	23.200.000.000	94.297.958.640
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		170.283.602	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		789.574.305.739	565.321.263.414
I. Vốn chủ sở hữu	410		789.574.305.739	565.321.263.414
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	26	463.362.780.000	421.240.940.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		463.362.780.000	421.240.940.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	26	(16.068.674.490)	52.017.814.836
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		9.395.974.836	(9.339.504.225)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(25.464.649.326)	61.357.319.061
3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	27	342.280.200.229	92.062.508.578
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		1.488.641.568.804	1.482.936.077.910

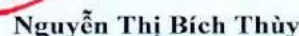
Quảng Nam, ngày 09 tháng 04 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Bé

Nguyễn Thị Linh Thương

Nguyễn Thị Bích Thùy

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 HỢP NHẤT**

Mẫu số B 02-DN/HN
 Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020


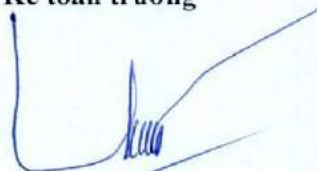
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	1.301.566.898.062	1.400.647.668.769
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	76.755.298.828	41.404.816.641
3. Doanh thu thuần về bán hàng và c.cấp dịch vụ	10		1.224.811.599.234	1.359.242.852.128
4. Giá vốn hàng bán	11	30	981.384.007.386	1.111.533.521.845
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và c.cấp dịch vụ	20		243.427.591.848	247.709.330.283
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	649.907.019	3.615.023.105
7. Chi phí tài chính	22	32	44.311.536.858	45.196.644.767
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		42.865.059.476	45.169.454.646
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty l.doanh, l.kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	33.a	145.417.718.969	106.559.584.344
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33.b	33.755.492.629	30.641.627.100
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		20.592.750.411	68.926.497.177
12. Thu nhập khác	31	34	26.965.247.060	16.616.678.001
13. Chi phí khác	32	35	4.366.915.798	2.360.217.850
14. Lợi nhuận khác	40		22.598.331.262	14.256.460.151
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		43.191.081.673	83.182.957.328
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	37.761.704.106	20.323.906.778
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(1.149.276.609)	(1.349.403.514)
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		6.578.654.176	64.208.454.064
18.1. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		4.637.571.548	61.357.319.061
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.941.082.628	2.851.135.003
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	37	100	1.313
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	37	100	1.313

Quảng Nam, ngày 09 tháng 04 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Nguyễn Thị Bé

Nguyễn Thị Linh Thường

Nguyễn Thị Bích Thùy

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 03-DN/HN

Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		43.191.081.673	83.182.957.328
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	14;16	47.159.761.303	32.688.011.384
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	31;34	(589.405.508)	(734.171.546)
- Chi phí lãi vay	06	32	42.865.059.476	45.169.454.646
3. LN từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động	08		132.626.496.944	160.306.251.812
- Tăng giảm các khoản phải thu	09		59.987.085.252	(109.175.172.016)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10		4.473.859.728	(16.504.460.431)
- Tăng giảm các khoản phải trả (Không kể trả lãi vay thuế thu nhập phải nộp)	11		12.175.528.402	10.420.487.040
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	13	(87.413.330.680)	(23.624.813.892)
- Tiền lãi vay đã trả	14	32	(42.865.059.476)	(45.169.454.646)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	22	(45.156.334.953)	(26.576.103.740)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(900.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		32.928.245.217	(50.323.265.873)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	14;17	(11.780.016.619)	(23.445.603.433)
2. Tiền thu từ TLý nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		104.545.456	181.818.181
3. Tiền chi cho vay mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	9	(4.536.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		-	10.600.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(374.210.198.362)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		426.905.375.000	3.100.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay cổ tức và lợi nhuận được chia	27	31	484.860.052	557.403.906
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		36.968.565.527	(9.006.381.346)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu nhận vốn góp của CSH	31		194.002.367.229	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	25	1.976.844.000.000	2.202.223.600.500
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	25	(2.202.271.342.800)	(2.132.436.923.500)
4. Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.453.388.845)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(32.878.364.416)	69.786.677.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		37.018.446.328	10.457.029.781
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	6	47.033.461.532	36.576.431.751
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	6	84.051.907.860	47.033.461.532

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Quảng Nam, ngày 09 tháng 04 năm 2021

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Bé

Nguyễn Thị Linh Thương

Nguyễn Thị Bích Thùy

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.24 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Điều chỉnh hồi tố

Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 của Chính phủ tăng tỷ lệ khống chế chi phí lãi vay được trừ đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết từ 20% lên thành 30% của EBITDA và cho phép doanh nghiệp điều chỉnh số thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2019 và kê khai bổ sung quyết toán thuế TNDN. Theo đó, Công ty đã xác định lại chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành của năm 2019 và điều chỉnh hồi tố như sau:

Bảng cân đối kế toán	Mã số	Số liệu tại ngày 31/12/2019	Số liệu tại ngày 01/01/2020 (Đã hồi tố)	Chênh lệch
1. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	15.639.044.616	13.540.123.521	(2.098.921.095)
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	50.092.247.476	52.017.814.836	1.925.567.360
3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	91.889.154.843	92.062.508.578	173.353.735

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Mã số	Năm 2019	Năm 2019 (Đã hồi tố)	Chênh lệch
1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22.422.827.873	20.323.906.778	(2.098.921.095)
2. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	62.109.532.969	64.208.454.064	2.098.921.095
3. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.411	1.313	(98)
4. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	1.411	1.313	(98)

Chi phí lãi vay không được trừ của năm 2019 giảm từ 13.963.516.885 xuống 3.468.911.410 đồng. Trong đó:

- ✓ Tại Công ty mẹ giảm từ 6.388.859.105 đồng xuống còn 0 đồng,
- ✓ Tại Công ty CP Gas Miền trung (Công ty con) giảm từ 7.574.657.780 đồng xuống còn 3.468.911.410 đồng.

Theo đó, chỉ tiêu “Chi phí thuế TNDN hiện hành” và “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước” cùng giảm 2.098.921.095 đồng làm cho “Lợi nhuận sau thuế TNDN” tăng lên một lượng tương ứng và “Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu” tăng 46 đồng/cổ phiếu. Trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất, khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” và “Lợi ích cổ đông không kiểm soát” tăng lần lượt là 1.925.567.360 đồng và 173.353.735 đồng.

Ngoài ra, chỉ tiêu “Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu” giảm 144 đồng/cổ phiếu do ảnh hưởng của việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát từ lợi nhuận sau thuế năm 2019 và chia cổ tức bằng cổ phiếu theo Nghị quyết đại hội cổ đông ngày 29/04/2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. Tiền

	31/12/2020	01/01/2020
Tiền mặt	13.065.729.966	10.690.614.884
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	70.986.177.894	36.342.846.648
Cộng	84.051.907.860	47.033.461.532

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2020	01/01/2020
Công ty CP Gas Phúc Tín	3.016.655.568	2.412.467.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất và Cho thuê thiết bị	1.449.183.900	39.385.330.076
Các đối tượng khác	170.703.174.656	209.889.506.051
Cộng	175.169.014.124	251.687.303.127

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Công ty CP Đầu tư sản xuất và cho thuê thiết bị	2.660.835.209	33.977.699.209
Công ty Năng lượng Bình An	700.000.000	-
Công ty Cổ phần Gas Phúc Tín	2.017.894.113	-
Các đối tượng khác	2.125.210.605	13.228.582.920
Cộng	7.503.939.927	47.206.282.129

9. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Ông Trần Minh Đạt (*)	4.536.000.000	-
Cộng	4.536.000.000	-

(*) Là khoản tiền Công ty TNHH Trung Nam (Công ty con) cho ông Trần Minh Đạt vay theo hợp đồng số 01/2020/HĐMT-TNAM-TMD ngày 10/03/2020, số tiền cho vay 5.500.000.000 đồng, lãi suất 0%, thời hạn vay đến ngày 31/12/2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	10.295.061.437	-	520.150.000	-
Công ty TNHH SCT Gas Việt Nam	771.927.748	(771.927.748)	771.927.748	(771.927.748)
Ký cược, ký quỹ	2.000.000.000	-	713.699.000	-
Phải thu khác	39.673.603	-	8.745.214.687	-
Cộng	13.106.662.788	(771.927.748)	10.750.991.435	(771.927.748)

b. Dài hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	29.595.200.000	-	13.595.200.000	-
Cộng	29.595.200.000	-	13.595.200.000	-

11. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2020	01/01/2020
Dự phòng các khoản nợ phải thu quá hạn - Từ 3 năm trở lên	(1.672.986.272)	(1.672.986.272)
Cộng	(1.672.986.272)	(1.672.986.272)

Trong đó: Nợ xấu

	31/12/2020			Ghi chú
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	
+ Công ty TNHH SCT Gas Việt Nam - CN Lâm Đồng	742.837.437	-	Trên 3 năm	Quá hạn thanh toán
+ Công ty TNHH SCT Gas Việt Nam - Trung Nam	158.221.087	-	Trên 3 năm	Quá hạn thanh toán
+ Công ty TNHH SCT Gas Việt Nam	771.927.748	-	Trên 3 năm	Quá hạn thanh toán
Cộng	1.672.986.272	-		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

	01/01/2020			Ghi chú
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	
+ Công ty TNHH SCT Gas Việt Nam - CN Lâm Đồng	742.837.437	-	Trên 3 năm	Quá hạn thanh toán
+ Công ty TNHH SCT Gas Việt Nam - Trung Nam	158.221.087	-	Trên 3 năm	Quá hạn thanh toán
+ Công ty TNHH SCT Gas Việt Nam	771.927.748	-	Trên 3 năm	Quá hạn thanh toán
Cộng	1.672.986.272	-		

12. Hàng tồn kho

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	11.234.261.520	-	3.239.329.109	-
Công cụ, dụng cụ	23.950.104	-	142.038.252	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	1.317.899.701	-
Thành phẩm	855.219.064	-	77.797.854	-
Hàng hóa	13.465.084.180	-	25.275.309.680	-
Cộng	25.578.514.868	-	30.052.374.596	-

13. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	814.672.168	642.155.289
Chi phí bảo hiểm	478.399.221	461.218.630
Chi phí trả trước khác	523.173.090	901.855.428
Cộng	1.816.244.479	2.005.229.347

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Dài hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	682.707.797	-
Chi phí kiểm định vô hình	4.036.315.059	3.388.668.793
Chi phí quyền khai thác kinh doanh (i)	17.076.417.803	-
Chi phí vô hình phân bổ	396.404.151.594	317.020.980.679
Chi phí bảo dưỡng vô hình	6.632.928.348	2.956.333.312
Tiền thuê đất (ii)	16.664.432.091	16.122.282.056
Chi phí dài hạn chờ phân bổ khác	1.370.484.936	15.776.857.240
Cộng	442.867.437.628	355.265.122.080

(i) Là chi phí mà Công ty CP Dầu khí V-Gas phải trả để nhận lại quyền kinh doanh trực tiếp với các đại lý của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Lê Thiên Phú tại địa bàn Bà Rịa – Vũng Tàu theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền kinh doanh, quyền quản lý, khai thác khách hàng số 09/2020/HĐVVGASĐX-LTP ngày 25/09/2020. Thời gian phân bổ là 36 tháng.

(ii) Tiền thuê đất tại ngày 31/12/2020 bao gồm:

- Tiền thuê đất trả trước tại Lô số 4, KCN Điện Nam – Điện Ngọc, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam: số tiền trả trước 954.943.050 đồng; thời gian trả trước: 10 năm, tính đến ngày 30/06/2027; diện tích đất thuê: 11.556 m²;
- Tiền thuê đất trả trước tại KCN Hậu cần cảng Tam Hiệp, Huyện Núi Thành, Tỉnh Quảng Nam: số tiền trả trước 15.633.499.179 đồng; thời gian trả trước: 50 năm; diện tích đất thuê: 48.980 m²;
- Tiền thuê đất trả trước tại Thôn Trung Hiệp, Xã Hiệp An, Huyện Đức Trọng, Tỉnh Lâm Đồng: số tiền trả trước 60.606.062 đồng; thời gian trả trước: tính đến ngày 13/07/2023; diện tích đất thuê: 5.731 m²;
- Tiền thuê đất trả trước còn lại 15.383.800 đồng: là tiền thuê đất trả trước phát sinh tại một số điểm nhỏ lẻ khác.

14. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	123.082.023.777	524.915.010.946	57.400.909.347	498.731.571	882.663.182	706.779.338.823
Phân loại lại	-	305.220.117	(18.636.000)	(286.584.117)	-	-
Tăng trong năm	1.951.792.246	6.580.648.000	1.198.765.720	-	-	9.731.205.966
Thanh lý, nhượng bán	-	-	574.786.666	-	-	574.786.666
Số cuối năm	125.033.816.023	531.800.879.063	58.006.252.401	212.147.454	882.663.182	715.935.758.123
Khấu hao						
Số đầu năm	14.383.311.982	78.272.747.275	22.483.175.667	375.806.976	201.533.904	115.716.575.804
Phân loại lại	-	(233.989.506)	18.636.000	215.353.506	-	-
Khấu hao trong năm	5.368.667.817	35.502.068.278	5.255.146.499	18.659.004	170.871.971	46.315.413.569
Thanh lý, nhượng bán	-	-	574.786.666	-	-	574.786.666
Số cuối năm	19.751.979.799	114.008.805.059	27.144.899.500	179.112.474	372.405.875	161.457.202.707
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	108.698.711.795	446.642.263.671	34.917.733.680	122.924.595	681.129.278	591.062.763.019
Số cuối năm	105.281.836.224	417.792.074.004	30.861.352.901	33.034.980	510.257.307	554.478.555.416

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2020 là 425.256.351.956 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 28.646.315.347 đồng.

15. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình tại ngày 31/12/2020 của Công ty là các nhãn hiệu hàng hóa đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 4.636.363.636 đồng.

16. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất (*)	Nhà cửa, vật kiến trúc (*)	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	89.200.704.545	5.126.477.273	94.327.181.818
Phân loại lại	4.151.232.233	(4.151.232.233)	-
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	93.351.936.778	975.245.040	94.327.181.818
Khấu hao			
Số đầu năm	-	-	-
Phân loại lại	-	48.762.252	48.762.252
Số đầu năm	-	-	-
Số cuối năm	-	48.762.252	48.762.252
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	89.200.704.545	5.126.477.273	94.327.181.818
Số cuối năm	93.351.936.778	926.482.788	94.278.419.566

(*) Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất không thời hạn và nhà ở tại 68-74-76 Lê Duẩn, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng. Tại ngày 31/12/2020, tài sản này đang được cho thuê dài hạn và được dùng để cầm cố, thế chấp đảm bảo nợ vay ngân hàng.

17. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2020	01/01/2020
Mua sắm tài sản cố định	2.190.909.091	-
Chi phí xây dựng cơ bản khác	-	142.098.438
Cộng	2.190.909.091	142.098.438

18. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2020	01/01/2020
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.973.807.056	654.246.845
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.973.807.056	654.246.845

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***19. Lợi thế thương mại**

	Năm 2020	Năm 2019
Giá trị đầu kỳ	7.381.739.749	8.412.122.777
Tăng trong kỳ	-	-
Phân bổ trong kỳ	795.585.482	1.030.383.028
Giảm do thoái vốn tại Công ty con	3.169.766.873	-
Giá trị cuối kỳ	3.416.387.394	7.381.739.749

20. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Công ty TNHH Gas Phoenix Việt Nam	4.822.887.504	14.206.909
Công ty CP Kinh doanh LPG Việt Nam - CN Miền Nam	28.016.649.619	-
Chi nhánh Tổng Công ty khí Việt Nam - CTCP - Công ty kinh doanh Sản phẩm Khí	105.420.772.812	61.539.267.866
Công ty Năng lượng Bình An	3.688.122.200	-
Các đối tượng khác	12.628.368.306	56.848.206.723
Cộng	154.576.800.441	118.387.474.589

21. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Công ty TNHH Tân Nhà Việt	663.886.995	22.841.977.500
Công ty TNHH Gas Lâm Sơn	678.922.500	-
Các đối tượng khác	5.288.700.852	5.176.420.806
Cộng	6.631.510.347	28.018.398.306

22. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT phải nộp	2.450.305	620.377.914	29.524.195.080	28.989.523.825	2.450.305	1.152.598.864
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	12.901.908.598	37.761.704.106	45.156.334.953	2.328.610.212	7.835.887.963
Thuế thu nhập cá nhân	82.033.889	17.837.009	1.523.422.320	1.375.344.089	75.033.764	158.915.115
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	26.394.993	26.394.993	-	-
Các loại thuế khác	-	-	6.839.170	6.839.170	-	-
Phí và lệ phí	-	-	90.139.660	90.639.660	500.000	-
Cộng	84.484.194	13.540.123.521	68.932.695.329	75.645.076.690	2.406.594.281	9.147.401.942

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

23. Chi phí phải trả

	31/12/2020	01/01/2020
Chi phí vận chuyển	801.795.779	-
Các khoản trích trước khác	194.000.000	3.353.908.893
Cộng	995.795.779	3.353.908.893

24. Phải trả khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Lãi vay phải trả	52.438.356	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	41.030.510	914.803.212
Cộng	93.468.866	914.803.212

b. Dài hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	100.800.171.278	101.328.700.270
Cộng	100.800.171.278	101.328.700.270

25. Vay và nợ thuê tài chính

a. Vay ngắn hạn

	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn	513.400.000.000	1.953.644.000.000	2.065.644.000.000	401.400.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hội An	392.500.000.000	1.368.714.000.000	1.431.314.000.000	329.900.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Quảng Nam	100.900.000.000	552.250.000.000	581.650.000.000	71.500.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	20.000.000.000	32.680.000.000	52.680.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả	42.329.384.160	7.200.606.000	49.529.990.160	-
- Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam - Chi nhánh Hội An	27.928.172.160	-	27.928.172.160	-
- Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Quảng Nam	14.401.212.000	7.200.606.000	21.601.818.000	-
Cộng	555.729.384.160	1.960.844.606.000	2.115.173.990.160	401.400.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Vay dài hạn

	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay dài hạn	136.627.342.800	23.200.000.000	136.627.342.800	23.200.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hội An	87.116.920.800	-	87.116.920.800	-
- Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Quảng Nam	49.510.422.000	-	49.510.422.000	-
- Bà Nguyễn Thị Diễm Tuyền (i)	-	23.200.000.000	-	23.200.000.000
Cộng	136.627.342.800	23.200.000.000	136.627.342.800	23.200.000.000
Trong đó:				
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	42.329.384.160	-	-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	94.297.958.640			23.200.000.000

(i) Vay dài hạn bà Nguyễn Thị Diễm Tuyền theo Hợp đồng vay tiền ngày 18/12/2020, số tiền vay là 23.200.000.000 đồng. Thời hạn cho vay là 4 năm kể từ ngày 18/12/2020. Lãi suất vay là 7,5%/năm.

26. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2019	379.498.470.000	44.330.089.692
Tăng trong năm	41.742.470.000	61.357.319.061
Giảm trong năm	-	42.742.470.000
Giảm do hợp nhất	-	10.927.123.917
Số dư tại 31/12/2019	421.240.940.000	52.017.814.836
Số dư tại 01/01/2020	421.240.940.000	52.017.814.836
Tăng trong năm	42.121.840.000	4.637.571.548
Giảm trong năm	-	42.621.840.000
Giảm do hợp nhất	-	30.102.220.874
Số dư tại 31/12/2020	463.362.780.000	(16.068.674.490)

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020	Năm 2019
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	421.240.940.000	379.498.470.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	42.121.840.000	41.742.470.000
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	463.362.780.000	421.240.940.000
Cổ tức đã chia (bằng cổ phiếu)	42.121.840.000	41.742.470.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	46.336.278	42.124.094
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	46.336.278	42.124.094
- Cổ phiếu phổ thông	46.336.278	42.124.094
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	46.336.278	42.124.094
- Cổ phiếu phổ thông	46.336.278	42.124.094
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	52.017.814.836	44.330.089.692
Các khoản giảm lợi nhuận sau thuế do hợp nhất	30.102.220.874	10.927.123.917
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	4.637.571.548	61.357.319.061
Phân phối lợi nhuận	42.621.840.000	42.742.470.000
Phân phối lợi nhuận năm trước (*)	42.621.840.000	42.742.470.000
- Trích thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	300.000.000	600.000.000
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	200.000.000	400.000.000
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	42.121.840.000	41.742.470.000
Phân phối lợi nhuận năm nay	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	(16.068.674.490)	52.017.814.836

(*) Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019 và các năm trước theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2020/NQ-ĐHCD ngày 29/04/2020.

e. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 29/04/2020 đã quyết định chia cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2019 và các năm trước với tỷ lệ 10%. Theo đó, Công ty đã chốt danh sách cổ đông hưởng quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu nêu trên vào ngày 18/08/2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***27. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát**

	Năm 2020	Năm 2019
Lợi ích cổ đông không kiểm soát đầu kỳ	92.062.508.578	51.284.249.658
Điều chỉnh Lợi ích CĐKKS năm trước	-	76.379.036
Lợi ích cổ đông không kiểm soát tăng trong kỳ	251.671.080.496	40.701.879.884
- Tăng từ kết quả kinh doanh trong năm	1.941.081.307	2.851.135.003
- Tăng từ phát hành cổ phiếu cho CĐKKS	194.002.367.229	-
- Tăng do thay đổi tỷ lệ sở hữu	55.727.631.960	37.850.744.881
Lợi ích cổ đông không kiểm soát giảm trong kỳ	1.453.388.845	-
- Giảm do chia cổ tức	1.453.388.845	-
Cộng	342.280.200.229	92.062.508.578

28. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2020	Năm 2019
Doanh thu bán hàng hóa	1.261.951.408.151	1.353.070.958.927
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.062.353.932	22.681.580.442
Doanh thu khác (vỏ bình gas, van qua sử dụng,...)	24.553.135.979	24.895.129.400
Cộng	1.301.566.898.062	1.400.647.668.769

29. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2020	Năm 2019
Chiết khấu thương mại	76.185.724.717	40.802.094.823
Giảm giá hàng bán	569.574.111	602.721.818
Cộng	76.755.298.828	41.404.816.641

30. Giá vốn hàng bán

	Năm 2020	Năm 2019
Giá vốn bán hàng hóa	949.490.702.791	1.071.176.107.186
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	7.268.333.907	22.576.392.470
Giá vốn của hoạt động khác (vỏ bình gas, van qua sử dụng)	24.624.970.688	17.781.022.189
Cộng	981.384.007.386	1.111.533.521.845

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 (Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020	Năm 2019
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	484.860.052	557.403.906
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	73.413.517	354.200
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	91.633.450	3.057.112.786
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	152.213
Cộng	649.907.019	3.615.023.105

32. Chi phí tài chính

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí lãi vay	42.865.059.476	45.169.454.646
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	7.522.842	27.190.121
Chi phí tài chính khác	1.438.954.540	-
Cộng	44.311.536.858	45.196.644.767

33. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí nhân viên bán hàng	21.757.312.711	15.265.497.017
Chi phí vỏ bình phân bón, thương hiệu	52.540.513.051	42.367.903.070
Chi phí nhượng quyền vỏ bình	1.425.326.952	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	36.030.574.062	23.544.597.363
Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	10.133.635.556	8.442.342.343
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.125.019.220	7.260.407.069
Các khoản khác	18.405.337.417	9.678.837.482
Cộng	145.417.718.969	106.559.584.344

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí nguyên liệu, công cụ, dụng cụ	1.407.102.618	1.606.640.778
Chi phí nhân viên quản lý	14.518.338.619	13.313.742.208
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.927.792.607	4.525.067.659
Phân bổ lợi thế thương mại	795.585.482	1.030.383.028
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.204.534.790	2.917.477.480
Các khoản khác	7.902.138.513	7.248.315.947
Cộng	33.755.492.629	30.641.627.100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***34. Thu nhập khác**

	Năm 2020	Năm 2019
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	104.545.456	176.767.640
Phân bổ tiền nhận ký cược vỏ bình gas	16.655.586.484	15.712.182.396
Thu nhập từ hoàn trả cổ tức của Hội đồng quản trị (*)	10.061.922.774	-
Các khoản thu nhập khác	143.192.346	727.727.965
Cộng	26.965.247.060	16.616.678.001

(*) Là số cổ tức năm 2019, Công ty CP Dầu khí V-Gas (Công ty con) đã trả cho các cổ đông được Bà Nguyễn Thị Bích Thủy đồng ý hoàn trả lại toàn bộ theo Nghị quyết HĐQT số 01/06/VG/NQ-HĐQT ngày 29/06/2020 của Công ty CP Dầu khí V-Gas.

35. Chi phí khác

	Năm 2020	Năm 2019
Tiền đặt cược vỏ bình gas không được hoàn	1.487.841.572	1.424.764.965
Chi phí phạt, bồi thường	88.777.498	-
Chi phí hoàn cược vỏ	1.987.912.645	-
Chi phí khác	802.384.083	935.452.885
Cộng	4.366.915.798	2.360.217.850

36. Chi phí thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2020	Năm 2019
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	43.191.081.673	83.182.957.328
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	144.881.830.739	16.237.725.404
- Điều chỉnh tăng	153.672.702.979	16.480.052.174
+ Các khoản chi phí không được trừ	12.394.556.014	9.985.831.184
+ Lãi do thoái vốn tại Công ty con	129.101.156.250	-
+ Phân bổ lợi thế thương mại	795.585.482	1.030.383.028
+ Các khoản điều chỉnh tăng khác	11.381.405.233	5.463.837.962
- Điều chỉnh giảm	8.790.872.240	242.326.770
+ Điều chỉnh dự phòng đã trích lập	182.338.311	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm khác	8.608.533.929	242.326.770
Tổng thu nhập chịu thuế	188.072.912.412	99.420.682.732
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng	37.614.582.482	-
Thuế TNDN được giảm ở Công ty con	256.795.884	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	37.761.704.106	20.323.906.778
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành của kỳ này	37.357.786.599	19.884.136.548
- Chi phí thuế TNDN truy thu các năm trước	724.769.310	439.770.230
- Điều chỉnh giảm thuế TNDN hiện hành các năm trước	(320.851.803)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***37. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.637.571.548	61.357.319.061
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	(500.000.000)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ KTPL, thưởng HĐQT, BKS)	-	500.000.000
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.637.571.548	60.857.319.061
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	46.336.278	46.336.278
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	-
Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu (*)	100	1.313

(*) Chỉ tiêu lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu kỳ trước thay đổi do ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố tại Thuyết minh số 5, trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi, thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát từ lợi nhuận sau thuế năm 2019 và chia cổ tức bằng cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 29/04/2020.

Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu năm 2020 được tính khi chưa trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi do Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông không quy định tỷ lệ trích lập các quỹ này

38. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.238.138.618	17.675.214.579
Chi phí nhân công	46.842.247.613	33.489.575.861
Chi phí khấu hao tài sản cố định	47.159.761.303	32.688.011.384
Chi phí dịch vụ mua ngoài	75.477.679.255	68.911.831.736
Chi phí khác bằng tiền	37.013.468.721	25.305.981.767
Cộng	218.731.295.510	178.070.615.327

39. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng việc ra các quyết định quan trọng phụ thuộc chủ yếu vào việc cung cấp sản phẩm theo khu vực địa lý. Do đó, Công ty trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý, cụ thể:

- ❖ Khu vực Miền Trung: Gồm Công ty mẹ, Công ty Cổ phần Gas Miền Trung, Công ty TNHH MTV Bán lẻ Gas Miền Trung và Công ty TNHH MTV Gas Quảng Trị.
- ❖ Khu vực Miền Nam: Gồm Công ty Cổ phần Dầu khí V – Gas và Công ty TNHH Trung Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

BC bộ phận theo khu vực địa lý	Đơn vị tính: VND					
	Miền Trung		Miền Nam		Tổng cộng toàn Công ty	
	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019
Doanh thu bộ phận	793.029.962.719	869.578.273.084	508.536.935.343	531.069.395.685	1.301.566.898.062	1.400.647.668.769
Các khoản giảm trừ doanh thu	30.908.430.334	14.392.870.895	45.846.868.494	27.011.945.746	76.755.298.828	41.404.816.641
Chi phí giá vốn hàng bán bộ phận	579.777.105.970	685.138.839.702	401.606.901.416	426.394.682.143	981.384.007.386	1.111.533.521.845
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cc dịch vụ	182.344.426.415	170.046.562.487	61.083.165.433	77.662.767.796	243.427.591.848	247.709.330.283
Doanh thu hoạt động tài chính	627.740.518	6.886.270	22.166.501	3.615.023.105	649.907.019	3.615.023.105
Chi phí hoạt động tài chính	36.894.590.218	9.191.952.946	7.416.946.640	45.196.644.767	44.311.536.858	45.196.644.767
- Chi phí lãi vay	35.491.449.038	9.190.799.446	7.373.610.438	-	42.865.059.476	45.169.454.646
- Chi phí tài chính khác	1.403.141.180	1.153.500	43.336.202	45.196.644.767	1.446.477.382	27.190.121
Chi phí bán hàng	93.351.388.621	43.701.799.174	52.066.330.348	106.559.584.344	145.417.718.969	106.559.584.344
Chi phí quản lý doanh nghiệp	22.887.933.140	11.750.607.543	10.867.559.489	30.641.627.100	33.755.492.629	30.641.627.100
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	29.838.254.954	105.409.089.094	(9.245.504.543)	(101.120.065.310)	20.592.750.411	68.926.497.177
Thu nhập khác	8.849.679.184	7.723.371.371	18.115.567.876	16.616.678.001	26.965.247.060	16.616.678.001
Chi phí khác	667.457.800	1.159.019.664	3.699.457.998	2.360.217.850	4.366.915.798	2.360.217.850
Lãi/(lỗ) từ hoạt động khác	8.182.221.384	6.564.351.707	14.416.109.878	14.256.460.151	22.598.331.262	14.256.460.151
Lợi nhuận trước thuế	38.020.476.338	111.973.440.801	5.170.605.335	(86.863.605.159)	43.191.081.673	83.182.957.328
Chi phí thuế TNDN hiện hành	34.206.546.386	4.982.838.284	3.555.157.720	22.422.827.873	37.761.704.106	20.323.906.778
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(446.604.675)	(365.009.436)	(702.671.934)	(1.349.403.514)	(1.149.276.609)	(1.349.403.514)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	4.260.534.627	107.355.611.953	2.318.119.549	(107.937.029.518)	6.578.654.176	64.208.454.064

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

40. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về tỷ giá, lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Do phát sinh các giao dịch mua, bán hàng có gốc ngoại tệ, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Công ty quản lý thông qua các biện pháp như: tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay có lãi suất thả nổi đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất của Công ty ở mức có thể kiểm soát được.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của hàng hóa đầu vào. Giá mua hàng hóa chiếm tỷ trọng cao trong tổng giá vốn hàng bán nên Công ty đặc biệt chú ý đến rủi ro về biến động giá hàng hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty lựa chọn những nhà cung cấp uy tín, quan hệ kinh doanh lâu năm và luôn yêu cầu được cung cấp những biến động về giá kịp thời nhất. Công ty còn tham khảo giá giữa các nhà cung cấp khác nhau để đảm bảo mua hàng với mức giá hợp lý nhất. Với chính sách quản lý về giá trên, Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động về giá ngoài dự tính của Công ty ở mức kiểm soát được.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Chính sách bán hàng thông thường của Công ty là sau khi ký kết hợp đồng khách hàng phải ứng trước giá trị hợp đồng. Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên theo dõi tình hình thu hồi nợ và tiến độ thu tiền nhằm giảm thiểu rủi ro do không thu hồi được nợ. Do đó, Ban Tổng Giám đốc của Công ty cho rằng rủi ro tín dụng với các khách hàng hoặc đối tác của Công ty ở mức kiểm soát được.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	154.576.800.441	-	154.576.800.441
Chi phí phải trả	995.795.779	-	995.795.779
Vay và nợ thuê tài chính	401.400.000.000	23.200.000.000	424.600.000.000
Phải trả khác	93.468.866	100.800.171.278	100.893.640.144
Cộng	557.066.065.086	124.000.171.278	681.066.236.364

01/01/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	118.387.474.589	-	118.387.474.589
Chi phí phải trả	3.353.908.893	-	3.353.908.893
Vay và nợ thuê tài chính	555.729.384.160	94.297.958.640	650.027.342.800
Phải trả khác	907.910.802	101.328.700.270	102.236.611.072
Cộng	678.378.678.444	195.626.658.910	874.005.337.354

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hiện có rủi ro thanh khoản trong ngắn hạn nhưng tin tưởng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	84.051.907.860	-	84.051.907.860
Phải thu khách hàng	174.426.176.687	-	174.426.176.687
Phải thu về cho vay	4.536.000.000	-	4.536.000.000
Phải thu khác	2.039.673.603	29.595.200.000	31.634.873.603
Cộng	265.053.758.150	29.595.200.000	294.648.958.150

01/01/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	47.033.461.532	-	47.033.461.532
Phải thu khách hàng	250.944.465.690	-	250.944.465.690
Phải thu khác	9.458.913.687	13.595.200.000	23.054.113.687
Cộng	307.436.840.909	13.595.200.000	321.032.040.909

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***41. Thù lao Hội đồng quản trị**

		Năm 2020	Năm 2019
Ông Nguyễn Tiến Lãng	Chủ tịch HĐQT	432.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Bích Thùy	Thành viên HĐQT	144.000.000	-
Bà Hàn Kiều Minh Phương	Thành viên HĐQT	144.000.000	-

42. Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc

		Năm 2020	Năm 2019
Bà Nguyễn Thị Bích Thùy	Tổng Giám đốc	496.500.000	400.000.000
Bà Võ Thị Ánh Nguyệt	Phó Tổng Giám đốc	242.000.000	-
Bà Hoàng Thị Châu Anh	Phó Tổng Giám đốc	-	312.000.000
Bà Phạm Thị Hà	Phó Tổng Giám đốc	141.400.000	100.000.000
Bà Nguyễn Thị Linh Thường	Kế toán trưởng	385.200.000	186.000.000

43. Sự kiện đặc biệt phát sinh trong năm

Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 28/06/2020 của Công ty đã thông qua tờ trình về việc tái cấu trúc hoạt động kinh doanh và cơ cấu lại tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Gas Miền Trung (“MTG”) và Công ty Cổ phần Dầu khí V-Gas (“V-Gas”) với phương án cụ thể như sau:

- ✓ Tiến hành tái cấu trúc hoạt động kinh doanh của Công ty bằng việc chuyển nhượng hoạt động kinh doanh LPG bình và các trạm chiết nạp phục vụ chiết nạp LPG bình cho MTG (Công ty con).
- ✓ Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn nhà đầu tư chiến lược (đáp ứng tốt nhất các tiêu chí về năng lực tài chính, quản trị doanh nghiệp, chuyển giao công nghệ mới, cung ứng vật liệu, phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm và gắn bó lợi ích lâu dài với doanh nghiệp) và tiến hành đàm phán, chuyển nhượng và/ hoặc nhận chuyển nhượng cổ phần từ các cổ đông hiện hữu của MTG và V-Gas hoặc các hình thức khác để Công ty đảm bảo duy trì tỷ lệ sở hữu liên tục tại 2 Công ty con này tối thiểu là 51%.

Theo đó, Công ty đã lựa chọn được nhà đầu tư chiến lược là Tập đoàn Tokai và thực hiện cơ cấu lại tỷ lệ sở hữu vốn như sau:

- Công ty Cổ phần Gas Miền Trung (“MTG”) đã phát hành 14.727.273 cổ phần cho Tập đoàn Tokai. Bên cạnh đó, nhằm đảm bảo duy trì tỷ lệ sở hữu chi phối tại MTG, Công ty đã đàm phán để mua lại 2.490.909 cổ phần MTG từ các cổ đông khác. Tại thời điểm 31/12/2020, cơ cấu vốn chủ sở hữu của MTG như sau:
 - ✓ Công ty sở hữu 51%;
 - ✓ Tập đoàn Tokai sở hữu 45%;
 - ✓ Các cổ đông khác sở hữu 4%;
- Ngày 25/05/2020, Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng 10.125.000 cổ phần của V-Gas cho Tập đoàn Tokai. Việc chuyển nhượng cổ phần giữa 02 bên đã được V-gas xác nhận hoàn thành.

Để đảm bảo duy trì tỷ lệ sở hữu chi phối của Công ty tại V-Gas, trước khi chuyển nhượng cổ phần V-Gas cho Tập đoàn Tokai, Công ty đã đàm phán mua lại 2.350.000 cổ phần V-Gas từ các cổ đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

hiện hữu. Tại thời điểm 31/12/2020, cơ cấu vốn chủ sở hữu của V-gas như sau:

- ✓ Công ty sở hữu 51%;
- ✓ Tập đoàn Tokai sở hữu 45%;
- ✓ Các cổ đông khác sở hữu 4%

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng: giao dịch mua cổ phần V-Gas được Công ty thực hiện trước khi bán cổ phần V-Gas cho Tập đoàn Tokai. Mặc dù, giá mua cổ phần MTG và V-Gas cao hơn giá trị sổ sách của 2 Công ty nhưng để đảm bảo mục tiêu tiên quyết mà Đại hội cổ đông đã giao phó (duy trì tỷ lệ sở hữu của Công ty tại GMT và V-Gas tối thiểu là 51%) nên Công ty vẫn chấp nhận mua vào. Ban Tổng Giám đốc cho rằng giá mua trên là hoàn toàn phù hợp với hoàn cảnh thực tế.

- Thực hiện việc tái cấu trúc hoạt động kinh doanh: Công ty, Tập đoàn Tokai và các Công ty liên quan đã ký các hợp đồng đăng ký mua cổ phần MTG và hợp đồng chuyển nhượng cổ phần V-gas. Theo đó, thỏa thuận mua cổ phần của Tập đoàn Tokai tại 2 công ty con cũng như việc hoàn thành thỏa thuận phụ thuộc vào việc đáp ứng các điều kiện tiên quyết được nêu rõ trong các hợp đồng. Một trong các điều kiện được các bên đã nhất trí là Công ty hoàn tất chuyển nhượng kinh doanh hoạt động khí dầu mỏ hóa lỏng cho MTG. Trong trường hợp Công ty không hoàn tất chuyển nhượng kinh doanh toàn bộ trước ngày 31/12/2020 thì Công ty có nghĩa vụ mua lại cổ phần đã bán cho Tập đoàn Tokai tại 02 Công ty con với giá đã phát hành/chuyển nhượng trừ khi Tokai đồng ý từ bỏ nghĩa vụ đó của Công ty. Trong trường hợp hoàn tất chuyển nhượng kinh doanh bị trì hoãn do các thủ tục hành chính hoặc sự kiện bất khả kháng xảy ra một cách khách quan không thể thấy trước và khắc phục bằng mọi phương án khả thi, cần thiết và được chấp nhận, các bên sẽ thảo luận một cách thiện chí và đồng ý gia hạn ngày nêu trên sang một ngày khác hợp lý.

Ngày 21/10/2020, Công ty và Tokai đã có thư xác nhận các điều kiện tiên quyết (hoàn tất lần 2); Theo đó, hai bên thống nhất các điều kiện tiên quyết về chuyển nhượng kinh doanh chưa hoàn thành phải được hoàn thành hoàn toàn trước ngày 31/12/2020. Cho đến thời điểm hiện nay, Công ty và Tokai chưa có văn bản nào khác xác định mức độ hoàn thành các điều kiện tiên quyết đã thỏa thuận hoặc gia hạn thời gian hoàn tất.

44. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

45. Số liệu so sánh

Là số liệu so sánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi AAC. Một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh hồi tố như trình bày tại Thuyết minh số 05.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Quảng Nam, ngày 09 tháng 04 năm 2021

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Bé

Nguyễn Thị Linh Thường

Nguyễn Thị Bích Thùy

